PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 28/2013/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2013*

THÔNG TƯ
Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Phụ lục 1.

2. Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, Phụ lục 2.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2013.

2. Thông tư này thay thế các Thông tư sau:

a) Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

b) Thông tư số 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

c) Thông tư số 77/2011/TT-BNNPTNT ngày 04/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

d) Thông tư số 15/2012/TT-BNNPTNT ngày 30/3/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

đ) Thông tư số 58/2012/TT-BNNPTNT ngày 07/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Văn Tám

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Phụ lục 1
DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2013/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú y TW I (Vinavetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B.complex for oral	Vitamin nhóm B	Gói	30g; 100g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích sinh trưởng, chống nóng, giải độc	TWI-X3-3
2	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	0,5; 20; 50; 100g	Trị hen suyễn, CRD, hồng lỵ, viêm phổi, viêm xoang	TWI-X3-7
3	AD Polyvix	Vitamin A, D, E, B	Gói	200g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích lợn nái tiết sữa, tăng trọng	TWI-X3-9
4	ADE B.complex	Vitamin A, D, E, B	Gói	150; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Kích thích tiết sữa, tăng trọng, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-15
5	Neo-te-sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10, 25, 50, 100g 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-16
6	Terramycin 500	Tetracyclin; Vitamin A, D, E	Gói	5g	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, THT	TWI-X3-36
7	Ampisultryl	Ampicillin, Sulfadiazin	Gói	5, 10, 50g	Điều trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	TWI-X3-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Tylosin tartrate 50%	Tylosin tartrate	Gói	10, 25, 50, 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hen gà, suyễn lợn, viêm đường hô hấp	TWI-X3-39
9	Sulmix-plus	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10, 20, 100g	Trị viêm phổi, sưng phù đầu gà, hội chứng tiêu chảy, liên cầu, viêm xoang	TWI-X3-40
10	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10g	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	TWI-X3-42
11	Tiamulin	Tiamulin	Gói	20, 50, 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ, tụ huyết trùng	TWI-X3-57
12	Stress-bran	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Gói	100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	TWI-X3-60
13	Neox	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-61
14	Neoxin	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-62
15	Điện giải + Bcomplex	Vitamin, chất điện giải	Gói	100, 200g, 500g; 1; 2; 5; 10kg	Bù điện giải, chống nóng, giải độc	TWI-X3-86
16	Ampicoli fort	Ampicilin, Colistin	Gói	20, 50, 100g	Trị CRD, viêm phổi, E.coli, phó thương hàn, viêm tử cung	TWI-X3-100
17	Bactrim fort	Tylosin, Sulfadiazin	Gói	20, 50, 100, 500g	Trị viêm xoang, Coli bại huyết, tụ huyết trùng, đóng dấu	TWI-X3-101
18	Thuốc Gumboro	Flumequine, Paracetamol	Gói	10, 20, 50, 100g	Dùng kết hợp trong điều trị bệnh Gumboro	TWI-X3-105
19	Tetramysol	Levamisol	Gói	2g	Tẩy giun tròn	TWI-X3-157
20	Zusavet	Levamisol HCl	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Tẩy giun tròn	TWI-X3-173

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
21	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-182
22	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100, 500, 1000g	Trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-183
23	Glucosa	Glucosa	Gói	100; 500g, 1; 5kg	Chống nóng, giải độc, cơ thể suy nhược	TWI-X3-184
24	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, E.coli, tiêu chảy, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-185
25	Vinateri	Doxycyclin hyclat, Tylosin tartrat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy ở lợn, bê, ghé, dê, cừu, gia cầm: CRD, CCRD, THT, phó thương hàn, phân trắng, phân xanh	TWI-X3-2
26	Ugavina	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat, Vitamin B_1, HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, viêm dạ dày - ruột ở gia cầm	TWI-X3-11
27	Vinaderzy	Erythromycin thiocyanat, Colistin sulphat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm sổ mũi truyền nhiễm, THT cho gia cầm, thủy cầm	TWI-X3-41
28	Vinacol	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột gây ra bởi E.coli, Salmonella, Cl. Campylobacter ở gia cầm, lợn, bê, nghé, dê, cừu	TWI-X3-43
29	Vinacosul	Colistin sulphat, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh do E.coli, Proteus, Staphylococcus, A. aerogenus, Salmonella cho gia cầm, lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu	TWI-X3-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
30	Tetamedin	Oxytetracyclin, Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm dạ dày ruột trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non	TWI-X3-37
31	Anti-CRD	Spiramycin, Bromhexin Trimethoprim,	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh tụ huyết trùng, suyễn, viêm phổi, phó thương hàn trên gia súc, gia cầm	TWI-X3-58
32	Vinacoc.ACB	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-64
33	Antidiarrhoea	Colistin, Neomycin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm dạ dày - ruột trên lợn con, bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-75
34	Anticoccid	Diaveridin, Sulfaquinoxalin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-82
35	Colivinavet	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-85
36	Gentacosmis	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, hội chứng MMA trên lợn, gia cầm	TWI-X3-141
37	Trị khẹc vịt	Colistin, Erythromycin, Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm đa khớp trên gia cầm	TWI-X3-142
38	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên heo	TWI-X3-143
39	Coxidin	Sulphquinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa và bệnh cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-17
40	Colispyrin	Spiramycin Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Spyramycin và Colistin gây ra	TWI-X3-161

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
41	Trisulfon depot	Sulfadimidine, Sulfaguanidine, Bismuth nitrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfaguanidine trên bê, ngựa, lợn con	TWI-X3-59
42	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ, hộp	1; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với ceftiofur	TWI-X3-193
43	Trisulfon-Depot	Sulfamonomethoxin sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TWI-X3-200
44	Vinatral	Levamisole, Niclosamide	Vỉ	6 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	TWI-X3-206
45	Vinaflor 4%	Florfenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TWI-X3-208
46	Gentalylodex oral	Gentamycin sulfate; Tylosin tatrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa: viêm phổi, viêm màng phổi, CRD, CCRD, tụ huyết trùng, viêm ruột, T.G.E, ỉa chảy, thương hàn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	TWI-X3-209
47	Vina-poultry	Fosfomycin sodium Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1kg	Trị viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	TWI-X3-212
48	Penicillin G potassium	Penicillin G potassium	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10tr UI 800.000UI	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (+) như đóng dấu, tỵ thư ngựa, viêm phổi, màng phổi, lepto	TWI-X3-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
49	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10g	Trị sẩy thai truyền nhiễm, đường ruột, THT, listeriosis, viêm màng phổi	TWI-X3-5
50	Ampicillin 500	Ampicillin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng	TWI-X3-18
51	Oxytetracyclin HCl BP	Oxytetracyclin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản - phổi, viêm phổi truyền nhiễm, lepto, PTH	TWI-X3-24
52	Kanamycin sulphat	Kanamycin sulfate	Lọ	1g	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-30
53	Azidin	Diminazen, Diaceterat	Lọ	1g	Trị tiên mao trùng, lê dạng trùng, tê lê trùng, huyết bào tử trùng	TWI-X3-56
54	Ampi-Kana	Ampicillin sodium, Kanamycin sulfat	Lọ	1g, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli, viêm khớp	TWI-X3-66
55	Pen-strep	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1; 1,5; 2; 3; 4; 5; 10 trUI	Trị THT, viêm phổi, đóng dấu, Lepto	TWI-X3-73
56	Pen-Kana	Kanamycin, Penicilin	Lọ	0,5g Kana 500.000UI Peni	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thán, uốn ván, đóng dấu	TWI-X3-96
57	Enrofloxacin 10%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do các vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra	TWI-X3-1
58	Tylosin 10%	Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Điều trị bệnh do mycoplasma, treponema, hen suyễn, CRD, hồng lỵ	TWI-X3-6
59	Spectam SH	Spectinomycin	Lọ	5ml	Trị bệnh lợn con phân trắng	TWI-X3-8
60	Cafein natribenzoat	Cafein	Ống Lọ	5ml 100ml	Điều trị cơ thể bị suy nhược, suy tim, bị ngộ độc, kích thích hưng phấn	TWI-X3-13
61	Strychnin sulphate 0,1%	Strychnin	Ống	2ml	Điều trị cơ thể suy nhược, thần kinh rối loạn, nhược cơ	TWI-X3-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
62	Chlor-tylan	Tylosin, Doxycylin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, tiêu chảy, phó thương hàn, viêm teo mũi	TWI-X3-19
63	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-20
64	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Điều trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-21
65	B.complex inj	Vitamin B	Lọ, ống	20, 50ml, 100ml 2ml, 5ml	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, nâng cao sức khỏe	TWI-X3-25
66	A, D_3, E hydrovit for oral	Vitamin A, D, E	Lọ	100ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-27
67	ADEB. complex	Vitamin A, D, E, B	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100, 500ml	Kích thích tăng trọng, sinh sản, tăng cường sức đề kháng	TWI-X3-28
68	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống, lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-31
69	Gentamycin 4%	Gentamycin sulfate	Ống lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm phúc mạc, nhiễm trùng huyết, E.coli, P. thương hàn	TWI-X3-32
70	Kanavet	Kanamycin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị khuẩn, viêm khớp, E.coli, viêm vú	TWI-X3-33
71	Gentatylodex	Tylosin, Gentamycin, Dexamethasone	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, kiết lỵ, thương hàn, viêm ruột	TWI-X3-34
72	Analgin	Analginum	Ống, lọ	2, 5, 50, 100ml	Giảm đau, hạ sốt, thấp khớp, co thắt ruột	TWI-X3-35
73	Tiamulin 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5ml 10, 50, 100ml	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ, tụ huyết trùng	TWI-X3-45
74	Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5,10, 20, 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TWI-X3-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
75	Vinaenro 5%	Enrofloxacin, HCl	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng, trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin	TWI-X3-49
76	Erythracin	Erythromycin, Oxytetracyclin	Ống Lọ	5ml 50ml, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, đóng dấu, viêm vú, CRD	TWI-X3-50
77	Septotryl 24%	Sulfadiazin, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml 10, 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng, viêm phổi, viêm ruột, viêm vú	TWI-X3-53
78	Colistam	Colistin, Ampicilin	Lọ	10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm rốn	TWI-X3-55
79	Fatra	Colistin sulphat, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Đặc trị phân trắng lợn con, tiêu chảy mất nước trước và sau cai sữa	TWI-X3-54
80	Vina-Edema	Colistin sulphat, Kanamycin monosulphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Kanamycin và Colistin gây ra	TWI-X3-63
81	Neo KD	Neomycin sulfate, Kanamycin sulfate	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, bại huyết, tụ huyết trùng, viêm tử cung, viêm vú	TWI-X3-67
82	NCD	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Ống Lọ	5ml 10, 20, 100ml	Trị phân trắng, phó thương hàn, E.coli, bạch lỵ	TWI-X3-68
83	Coli KN	Colistin, Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường tiết niệu, nhiễm trùng da trên trâu, bò, chó, mèo	TWI-X3-69
84	Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TWI-X3-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
85	Oxy L.A	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TWI-X3-71
86	Norcoli-TWI	Norfloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị phân trắng, tiêu chảy, phó thương hàn, bạch lỵ, viêm phổi, CRD	TWI-X3-72
87	Coli D	Colistin	Lọ	50, 100ml	Trị tiêu chảy, E.coli dung huyết, PTH	TWI-X3-74
88	Kanatialin	Kanamycin, Tiamulin	Ống, lọ	5, 10, 50, 100ml	Trị THT, viêm phổi, suyễn, hồng lỵ	TWI-X3-79
89	Spectilin	Spectinomycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spectinomycin, Lincomycin gây ra	TWI-X3-80
90	Pneumotic	Tylosin, Bromhexin Oxytetracyclin,	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hội chứng tiêu chảy, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-81
91	Lincomycin	Lincomycin	Ống, lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị tụ cầu, liên cầu, viêm phổi, nhiễm trùng huyết	TWI-X3-84
92	Ampi-KD	Ampicilin, Kanamycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục	TWI-X3-90
93	Ampicoli .D	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100m	Trị viêm ruột tiêu chảy, viêm phổi	TWI-X3-91
94	Bioticolin	Colistin, Tiamulin	Lọ	5, 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, viêm teo mũi, hồng lỵ, viêm ruột tiêu chảy	TWI-X3-94
95	Biocomycine	Colistin, Spiramycin	Ống Lọ	5ml 20, 50, 100ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, tụ huyết trùng, sảy thai truyền nhiễm	TWI-X3-95
96	Vitamin K 1%	Vitamin K	Ống, lọ	2ml; 100ml	Cầm máu, bại huyết	TWI-X3-97
97	Lincosep	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10, 20, 50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, tiêu chảy, phân trắng lợn con	TWI-X3-98

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
98	Spectyl	Tylosin, Spectinomycin	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị CRD, sổ mũi truyền nhiễm, tiêu chảy, E.coli, phó thương hàn	TWI-X3-99
99	Tetramulin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi truyền nhiễm, CRD, Leptospirosis, hồng lỵ	TWI-X3-104
100	Poly AD	Vitamin A, D, E	Lọ	20, 100ml	Kích thích tăng trưởng, sinh sản, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-107
101	Calci B_{12}	Vit B_{12}, Calci gluconat	Lọ	5, 10, 50, 100, 250ml	Trị bại liệt, co giật, hạ đường huyết	TWI-X3-110
102	Oxycin	Oxytetracyclin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị đóng dấu, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung, Leptospirosis	TWI-X3-113
103	Coli SP	Colistin sulfate, Spectinomycin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị phân trắng, viêm dạ dày - ruột, CRD, viêm xoang, viêm tử cung	TWI-X3-116
104	Amoseptryl	Amoxycillin, Sulfadimezin	Lọ	50, 100ml	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, phân trắng, viêm phổi	TWI-X3-117
105	Gentamox	Gentamycin sulfate, Amoxycillin	Lọ	10, 50, 100ml	Trị viêm vú, nhiễm trùng huyết, đóng dấu, uốn ván, nhiệt thán	TWI-X3-118
106	Tylosul	Tylosin tartrate, Sulfadimezin	Lọ	10, 20, 50, 100, 250ml	Trị viêm phổi, viêm xoang, tụ huyết trùng, viêm vú, CRD	TWI-X3-120
107	Coli-T.T.S	Colistin sulfate, Tylosin tartrate	Lọ	5, 50, 100ml	Trị tiêu chảy, viêm vú, viêm teo mũi truyền nhiễm, thương hàn	TWI-X3-124
108	Sulmutin	Sulfadimezin, Tiamulin	Lọ	20, 50, 100ml	Trị suyễn, hồng lỵ, CRD, viêm vú, ung khí thán, uốn ván	TWI-X3-125
109	Tylotetrasol	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin	Lọ	5, 20, 50, 250, 100ml	Trị suyễn, CRD, tụ huyết trùng	TWI-X3-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
110	Ferridextran + B_{12}	Fe, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2, 20ml, 100ml	Bổ sung sắt và vitamin B_{12}	TWI-X3-144
111	Leptocin	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	10, 20ml	Trị leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TWI-X3-155
112	Atropin sulfat	Atropin sulfate	Ống	2ml	Chống co thắt ruột, dạ con, bàng quang, giảm tiết dịch ruột	TWI-X3-159
113	Amino-B_{12}	Amino acid, Vitamin B_{12}	Lọ	20, 50, 100, 500ml	Thiếu máu, bồi bổ cơ thể	TWI-X3-169
114	Fasiolid	Nitroxinil	Lọ	10, 20, 50ml	Tẩy sán lá	TWI-X3-171
115	Novocain 3%	Novocain	Ống	2ml	Giảm đau, gây mê, phong bế thần kinh	TWI-X3-174
116	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml	Bổ máu, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-178
117	Bogama	Methinonin, Vitamin B_6	Ống, lọ	5, 10, 30, 50ml 100ml	Bổ gan, lợi mật, Leptospirosis, tiêu chảy, Dyspepsia	TWI-X3-181
118	Urotropin	Urotropin	Ống, lọ	2,5; 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiết niệu, viêm cơ	TWI-X3-186
119	Vinarmectin	Ivermectin	Lọ	10, 20, 50,100ml	Tẩy giun tròn, ghẻ, ve, bọ chét	TWI-X3-188
120	Vinathazin	Promethazini HCl	Ống Lọ	5ml 10, 20, 50,100ml	Chống dị ứng, thần kinh bị kích thích, chống co giật, phù thũng lợn con	TWI-X3-189
121	Vinadoxin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-92
122	Anflox-T.T.S	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-122
123	PTLC	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con	TWI-X3-152

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
124	Quinoxalin Oral	Sulfadimidin Sulphaquinoxalin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh cầu trùng đường ruột, viêm mũi, nhiễm cầu trùng	TWI-X3-102
125	Iverrmectin 1%	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu bò, dê cừu, lợn	TWI-X3-119
126	Spyramycin inj	Spyramycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Mycoplasma, bệnh đường hô hấp và đường ruột, viêm khớp, vú trên trâu, bò, bê nghé, dê cừu, lợn	TWI-X3-121
127	Bromhexin 0,3%	Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh phế quản, phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TWI-X3-126
128	Erythromycin 20	Erythromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Erythromycin	TWI-X3-154
129	Flumequin 18	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do Salmonella, Pasteuralla, Colibacillus trên bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-160
130	Amox L.A 15%	Amoxicillin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do Pasteuralla gây ra trên trâu, bò, cừu, lợn	TWI-X3-168
131	Danofloxacin	Danofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm nhiễm ở đường hô hấp, tiêu hóa và tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn	TWI-X3-192
132	Fosformicin	Fosformicin, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TWI-X3-194
133	Linco-Gen	Gentamycin, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy và viêm khớp	TWI-X3-195
134	Analgin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Tác dụng giảm đau, chống phong thấp và sốt	TWI-X3-196

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
135	Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trợ sức, tăng sức đề kháng cho cơ thể	TWI-X3-197
136	Vinaflocol	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-198
137	Vinacef	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi - màng phổi, THT, viêm tử cung, viêm khớp, móng trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-199
138	Flodoxin	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm tử cung, viêm đạo, viêm màng não	TWI-X3-201
139	Vinasone	Tylosin tartrate Thiamphenicol	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng huyết, hội chứng viêm vú - tử cung - mất sữa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TWI-X3-202
140	Vina-cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Trị cầu trùng gia cầm	TWI-X3-203
141	Vinatosal	Vit B_{12}, Butaphosphan	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Cung cấp vitamin, P hữu cơ kích thích sự biến dưỡng	TWI-X3-207
142	Vina-Drax	Tulathromycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với P.haemolytica, P. multocida, Haemophillus. Mycoplasma, Actinobacillus pleuropneumoniae gây ra trên trâu, bò, lợn	TWI-X3-210
143	Vina-cox 5%	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và điều trị cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con theo mẹ, bê, nghé, cừu con	TWI-X3-211

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
144	Vina-san	Praziquantel	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị sán trên chó, mèo: Echinococcus spp, Dipylidium caninum, Meso-cestoides spp, Joyeuxiella pasqualei	TWI-X3-213
145	Vina-Decol	Tolfenamic	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1L	Giảm đau, hạ sốt chống viêm trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	TWI-X3-215
146	Vina-Tilmo	Tilmicosin Phosphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, cừu	TWI-X3-216
147	Vina-Tilmo oral	Tilmicosin Phosphat	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp trên lợn, gia cầm	TWI-X3-217
148	Vina-Bcomplex C	Vitamin B_1, B_6, PP, Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1L	Phòng và điều trị bệnh do thiếu Vitamin, tăng cường sức đề kháng, nhanh chóng phục hồi sau bệnh, chống stress trên gia súc	TWI-X3-218
149	Vina-Colidox	Doxycyclin hyclate Colistin Sulfate	Gói, hộp, thùng	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia cầm	TWI-X3-219
150	Vina-Econo 10	Valnemulin HCl	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 25kg	Trị lỵ, suyễn, viêm ruột trên lợn	TWI-X3-220
151	Vina-Fenben	Fenbendazole	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Tẩy giun, sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho gia súc, gia cầm	TWI-X3-221
152	Vina-Neodox	Doxycyclin hyclate Neomycin	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên bê, nghé, lợn, gà	TWI-X3-222

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
153	Vina-Tetracolivit	Oxytetracycline HCl Colistin,Vitamin A; D_3, E, K_3, B_2, B_{12}	Gói, hộp, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, CRD, chống stress do thay đổi môi trường, tiêm phòng trên gia cầm	TWI-X3-223
154	Vina-Zidin	Diaminazen aceturat	Ống, chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị tiên mao trùng, ký sinh trùng đường máu trên gia súc	TWI-X3-224
155	Vina-Paragin	Analgin, Paracetamol	Ống, chai	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Hạ sốt trong bệnh nhiễm trùng cấp, kháng viêm, chống stress, giảm đau trên gia súc	TWI-X3-225

2. Công ty Cổ phần dược và vật tư thú y (Hanvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Penicillin G	Penicillin G potassium	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10 tr.IU	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+)	TW-X_2-1
2	Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10 gr	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (-)	TW-X_2-2
3	Hanoxylin® 10% Hanoxylin® LA	Oxytetracyclin	Lọ	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), Gr(-), xoắn khuẩn, Mycoplasma	TW-X2-3
4	Gentamicin	Gentamicin sulfate	Ống, lọ	5ml; 5ml, 20, 50, 100ml	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-4
5	Ampicillin-500 Ampicillin-1000	Ampicillin sodium	Lọ	50, 100, 500mg	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-5
6	Pen-Strep	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1,5; 2; 3; 4; 10g	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
7	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Lọ Gói	500mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Chữa bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do xoắn khuẩn, Mycoplasma	TW-X_2-7
8	Tetracan-100	Tetracyclin HCl	Gói	100g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-8
9	Chlortiadexa	Chlortetracyclin HCl Tiamulin HF, Dexa	Ống, lọ	5ml, 10ml, 100ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-), Mycoplasma	TW-X_2-9
10	Vitamycin	Doxycyclin, Vitamin B, C	Gói	5, 6, 10, 50, 100g	Phòng và chữa các bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-12
11	Sulmepy	Sulfadimidin sodium	Lọ	1g	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-13
12	Trypanosoma	Trypamidium	Lọ	200; 150mg	Phòng và chữa bệnh ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-14
13	Kanamycin	Kanamycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-15
14	Mebendazol 10%	Mebendazol	Gói	4g, 100g, 500g	Thuốc tẩy giun tròn và sán dây	TW-X_2-16
15	B-complex	Vit. B_1, B_6, B_2, PP, B_5, B_{12}	Lọ, gói	30g; 100, 500, 1kg	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin nhóm B	TW-X_2-17
16	ADE-tan trong nước	Vitamin A, D_3, E	Gói	100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, E, D_3	TW-X_2-18
17	Nước cất tiêm	Nước cất hai lần	Ống; chai	5ml; 100, 500ml	Nước cất pha tiêm	TW-X_2-21
18	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1 HCl	Ống; lọ	5ml; 100ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin B_1, phù nề, kích thích sinh trưởng	TW-X_2-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
19	Vitamin C 5%	Acid ascorbic	Ống	5ml	Phòng, trị bệnh thiếu vit C, chống nóng, stress	TW-X_2-23
20	Vit. B-complex	Vit. B_1, B_2, PP, B_6, B_{12}	Ống; lọ	2, 20, 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B	TW-X_2-24
21	Azidin (Berenil)	Diminazen aceturat	Lọ	1,18g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-25
22	AD_3 EC hydrovit	Vitamin A, D, E và C	Lọ	100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vit A, E, D_3	TW-X_2-26
23	Han-Ne-Sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Lọ, gói	25; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-27
24	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống; lọ	5; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-28
25	Tylovit-C	Tylosin, Vitamin C	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-29
26	Han-D.O.Clor	Doxycyclin HCl, Colistin sulfate, Dexamethason	Lọ	20ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-30
27	Cafein natri benzoat 20%	Cafein natri benzoat	Ống	5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa bệnh yếu tim mạch. Kích thích hệ thần kinh trung ương	TW-X_2-31
28	Pilocarpin 1%	Pilocarpin	Ống	5ml	Chữa liệt dạ cỏ, chướng bụng	TW-X_2-32
29	Strychnin-B_1	Strychnin, Vitamin B_1	Ống	2ml, 5ml	Tăng phản xạ thần kinh, trương lực cơ, kích thích nhu động ruột, dạ dày	TW-X_2-33
30	Tylo-D.C	Tylosin tartrate, Chlortetracyclin HCl, Dexa	Lọ	20; 100ml	Phòng và chữa các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-34
31	Septotryl 33%	Sulfamethoxypiri-dazin, TMP	Lọ	100ml	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-35

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
32	Trimethoxazol 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ	5ml	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-36
33	Hangen-tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-37
34	Novocain 3%	Novocain	Ống	5ml	Gây tê cục bộ	TW-X_2-38
35	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml, 500mcg 2ml, 1000mcg	Phòng và chữa các bệnh do thiếu vitamin B_{12}	TW-X_2-39
36	Atropin 0,1%	Atropin sulfate	Ống, lọ	2, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc, chống nôn. Giảm tiết dịch, kích thích thần kinh TW, giảm đau	TW-X_2-40
37	Analgin 30%	Methamisol	Ống; lọ	2ml, 5ml; 50, 100, 250, 500ml	Chữa các chứng chướng bụng, đầy hơi, chữa cảm nắng, cảm nóng, sốt	TW-X_2-41
38	Long não nước	Natri camphosulfonate	Ống	5ml	Trợ tim, kích thích hô hấp	TW-X_2-42
39	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCl	Lọ	500mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X_2-44
40	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrofumarate	Ống, lọ	10, 20, 50, 100 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-47
41	Levasol 7,5%	Levamysol HCl	Ống; lọ	5ml; 10, 20, 50, 100, 500ml	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-48
42	Vit. ADE tiêm	Vitamin A, D_3, E	Ống; lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vit A, E, D_3	TW-X_2-50
43	Hansuvil-5; 10	Spiramycin adipinate	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp	TW-X_2-52
44	Tiamulin	Tiamulin HF	Lọ	1g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
45	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Gói	20g, 100, 500g 1000g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-54
46	Costrim 48%	Sulfadimidin sodium Trimethoprin	Gói	20g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-55
47	Hancotmix®-forte	Sulfachlorpyridazin, Trimethopin	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-59
48	Hamcoli®-forte	Amoxycillin, Vit C Colistin sulfate	Gói	10, 50, 100, 500, 1000g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-60
49	Rigecoccin-W.S	Clopidol	Gói	10, 50, 100, 500g	Thuốc trị bệnh cầu ký trùng ở gà	TW-X_2-63
50	Hantril®-100	Norfloxacin HCl	Ống, chai	10ml; 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-65
51	Hantril®-50	Norfloxacin HCl	Ống; lọ	5ml; 10ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-66
52	Anti-Gumboro	Dược chất thảo mộc	Ống; lọ	10ml, 100ml	Phòng và trị Gumboro	TW-X_2-68
53	HanEba® 30%	Sulfachlorpyridazin	Gói	20; 100; 150; 500g; 1kg	Phòng và trị cầu trùng, thương hàn, ỉa chảy	TW-X_2-69
54	Dexa-tiêm	Dexamethason	Ống	2ml	Trị aceton, keton huyết, bại liệt, co giật sau đẻ, chống stress. Các chứng viêm nhiễm	TW-X_2-72
55	Thuốc điện giải	NaCl, KCl, $NaHCO_3$, Vit. A, D_3, Dextrose	Gói	100,500,1000g	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp ỉa chảy mất nước, stress	TW-X_2-73
56	Tia-Tetralin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Gói; lon	20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa, hồng lỵ	TW-X_2-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
57	Ampi-Kana	Ampicillin sodium Kanamycin sulfate	Lọ	1; 1,5; 2; .3; 4 g	Chữa các bệnh do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-76
58	Lincomycin 10%	Lincomycin HCl	Ống; lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục	TW-X_2-78
59	Multivit-forte	Vit. A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Lọ	20ml, 100ml	Bổ sung các vitamin cần thiết cho cơ thể, nâng cao sức đề kháng	TW-X_2-81
60	Colidox plus	Doxycyclin, Colistin, Vit. A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_{12}, PP, C	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-84
61	Kim kê trứng	Tiamulin HF, Erythromycin	Gói	20g, 100g	Phòng, trị đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-85
62	Hanvit-C100	Vitamin C	Gói	100g	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X_2-90
63	Tayzu®	Levamysol HCl	Gói	4g, 100g, 1kg	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hóa	TW-X_2-91
64	Fe-Dextran-B_{12}	Phức Iron Dextran B_{12} 10%	Ống; lọ	2; 20,100ml	Phòng và chữa các bệnh thiếu máu	TW-X_2-92
65	Tylosin-50	Tylosin tartrate	Ống; lọ	5; 50ml, 100ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-95
66	Colistin-1200	Colistin sulfate	Gói; lon	10; 50 ; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-97
67	Spectinomycin 5%	Spectinomycin HCl	Lọ	10, 50, 100, 200ml	Chữa các bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-98
68	Hanvit-K&C®	Vitamin C, Vitamin K_3	Gói	10, 20, 100, 200g, 500, 1000g	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin K, C; các chứng chảy máu	TW-X_2-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
69	Lincolis-plus	Lincomycin HCl, Colistin sulfate	Gói	10; 50; 100 500g; 1kg	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-104
70	Linspec 5/10	Lincomycin HCl Spectinomycin HCl	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-105
71	Enrotril®-100	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml; 1l	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-111
72	Hanmectin®-25 Hanmectin®-50	Ivermectin	Ống, chai	5; 10; 20; 100ml; 1l	Phòng và diệt nội, ngoại ký sinh trùng	TW-X_2-112
73	Glucose	Dextrose monohydrate	Gói; bao	500, 1000g; 25kg	Cung cấp năng lượng cho cơ thể	TW-X_2-114
74	Tetracyclin HCl	Tetracyclin HCl	Gói	100, 1000g, 25kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X_2-115
75	Hancoc	Sulfaquinoxalin sodium Pyrimethamin	Chai	100, 125, 200, 250, 500ml, 1l	Phòng, trị cầu trùng ở gà, gà tây, lợn, thỏ, bê, nghé; bạch lỵ, thương hàn, THT	TW-X_2-116
76	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCl	Gói	100g, 1kg, 25kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X_2-118
77	Actiso-10	Cao Actiso	Chai Can	100ml, 250ml; 1 lít, 3 lít	Nhuận mật, bổ gan, giảm độc Alflatoxin; tăng cường sức đề kháng	TW-X2-119
78	Vitamin B_1	Thiamin mononitrate	Gói	100g, 1kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin B_1	TW-X_2-120
79	Vitamin C	Ascorbic acid	Gói	100g, 1kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X_2-121
80	L-lysin	Lysin	Gói	100g, 1kg, 25kg	Bổ sung Lyzin cho cơ thể	TW-X_2-122
81	D, L-Methionin	Methionin	Gói	100g, 1kg, 25kg	Bổ sung Methionin cho cơ thể	TW-X_2-123

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
82	Enrotril®-50	Enrofloxacin	Ống; chai	10; 50; 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-124
83	Hamcoli®-s	Amoxicillin, Colistin sulfate	Lọ	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục	TW-X_2-125
84	Han-Dertil-B®	Albendazole, Triclabendazol	Hộp	20 viên	Thuốc tẩy sán lá, giun tròn ký sinh	TW-X_2-127
85	Hamcoli®-plus	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ	10, 20l, 50, 100ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp; tiết niệu	TW-X_2-128
86	Derma spray	Chlortetracyclin HCl Methylen blue	Chai	100ml, 300ml	Thuốc phun diệt khuẩn	TW-X_2-130
87	Rivanol	Aethacridin lactate	Lọ, gói	500mg, 100g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-131
88	Han-V.T.C.®	Chlortetracyclin HCl Neomycin sulfate	Hộp	20 viên	Viên đặt tử cung, âm đạo chống viêm nhiễm	TW-X_2-132
89	Sanpet	Praziquantel Pyrantel	Vỉ	10 viên	Trị sán dây, giun tròn, sán lá ở chó, mèo và động vật ăn thịt	TW-X_2-133
90	Hanmycin®-100	Chlortetracyclin HCl	Gói; lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-134
91	Glucose 5%	Dextrose anhydrous	Chai	100ml, 250ml, 500ml	Cung cấp đường cho cơ thể giúp tăng cường sức đề kháng	TW-X2-137
92	Hanalgin-C	Methamosol sodium, Vita C	Lọ	20ml, 100ml	Giảm đau, xuất huyết tràn lan, stress	TW-X2-139
93	Tylospec	Tylosin tatrate, Spectinomycin	Ống; chai	10; 20; 100ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-140
94	Linspec-110	Lincomycin, Spectinomycin	Gói; hộp	10g, 20g; 100g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-141

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
95	Tylocoli	Tylosin tatrate, Colistin sulfate	Gói; lon	10; 20; 50; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-142
96	B-Compvit	Vit. B_1, B_6, B_2, PP, B_5, B_{12}	Chai	50, 100, 125ml, 250, 500ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin	TW-X2-143
97	Vitamin K_3	Menadion sodium bisulfit	Lọ	10, 20, 100ml	Trị bệnh do thiếu vit K, chảy máu, xuất huyết	TW-X2-144
98	Selenvit-E	Sodium selenit, Vitamin E	Ống; chai	10; 20; 100ml	Phòng và chữa bệnh thoái hóa cơ, nhũn não, xuất huyết, bài xuất dịch	TW-X2-145
99	Hanmolin LA	Amoxixillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng, THT, PTH; viêm phổi, phế quản, tiết niệu, sinh dục	TW-X2-147
100	Hamogen	Amoxicillin, Gentamicin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, Gentamicin	TW-X_2-148
101	Bromhexine 0,3%	Bromhexine	Lọ, ống Chai	5; 20ml 50; 100ml	Trị bệnh phế quản phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TW-X_2-152
102	Han - Cillin - 50	Amoxycillin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin	TW-X_2-153
103	Tylosin 200	Tylosin tartrate	Ống, lọ	5ml 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, sưng khớp, thối móng, viêm dạ con, lepto trên gia súc, gia cầm	TW-X_2-154
104	Hamcloxan	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Lọ	1; 2; 3g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), gây ra	TW-X_2-155
105	Diclofenac 2,5%	Diclofenac	Ống, lọ, chai	5ml; 5; 20ml 50; 100ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW-X_2-156

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
106	Lidocain 2%	Lidocain, Adrenalin tartrate acid	Ống, lọ, chai	5ml; 20ml 50; 100ml	Gây tê, giảm đau cục bộ, phong bế vùng chậu, khum đuôi, xương cùng, tủy sống	TW-X_2-157
107	Vitamin C 10%	Vitamin C	Chai	50; 100ml	Trị chứng thiếu hụt Vit C, viêm màng Fibrin, phục hồi sức khỏe, ngộ độc	TW-X_2-158
108	Dolosin-200 W.S.P	Doxycylin, Tylosin tartrate	Gói, lon	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-159
109	Glucose 30%	Glucose	Chai	100; 250; 500ml	Trị hạ đường huyết, keto/aceton huyết, cung cấp năng lượng cho gia súc bệnh	TW-X2-160
110	Enteroseptol	Colistin sulfate, Vit C Chlortetracyclin HCl	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt, thỏ	TW-X2-10
111	Tetraberin-Vit.B-C	Oxytetracyclin, Berberin, Vitamin B_1, B_2, C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	TW-X2-11
112	Hamenro-C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X2-56
113	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate	Gói	10; 50 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà, vịt, ngan, thỏ	TW-X2-57
114	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TW-X2-67
115	K.C.N.D	Kanamycin, Colistin sulfate	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	TW-X2-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
116	Norfacoli	Norfloxacin	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó	TW-X2-83
117	Trị ly ỉa chảy	Chlortetracyclin HCl, Berberin,Vitamin B_1, B_2, C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TW-X2-87
118	Synavet	Neomycin, Colistin sulfate, Vitamin A, D_3, E, K_3, C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	TW-X2-89
119	Amtyo	Oxytetracyclin HCl, Tylosin tartrate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, chó, mèo	TW-X2-99
120	Hampiseptol	Amoxicillin, Sulfadimidine	Gói, lon	4; 30; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Sulfadimidine gây ra trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non, gia cầm	TW-X_2-51
121	Hampiseptol	Sulfadimidine, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TW-X_2-61
122	Genta-Costrim	Gentamycin, Sulfadimidine, Vitamin PP	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm dạ con, viêm vú trâu, bò, lợn, gia cầm	TW-X_2-62
123	CRD.Stop	Doxycyclin, Tiamulin, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, C, Acid nicotinic	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	TW-X_2-70

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
124	Tiakaneolin	Kanamycin, Tiamulin, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	TW-X_2-80
125	Tia-K.C	Tiamulin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	TW-X_2-86
126	Norfacoli	Norfloxacin, Vitamin B_1, C, K_3, Niacin	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn con, bê, nghé, gia cầm	TW-X2-102
127	Oxylin 5%-B	Oxytetracyclin HCl, Bromhexine HCl, Lidocain	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	TW-X2-161
128	Linco-Gen	Lincomycin HCL, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm hồng lỵ, viêm sưng khớp, đóng dấu, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TW-X2-162
129	Hanthiamcol 10%	Thiamphenicol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, lợn	TW-X2-164
130	Clafotax	Cefotaxime sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 3g	Trị các nhiễm khuẩn gây mủ ở mô mềm, viêm vú, viêm dạ con, đóng dấu, tiêu chảy	TW-X2-165
131	Gentamicin 10%	Gentamycin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm Gentamycin trên gia súc, gia cầm	TW-X2-166

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
132	Hanflor LA	Florfenicol	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW-X2-167
133	Hanceft	Ceftiofur	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, thối móng, viêm vú trên trâu, bò, lợn	TW-X2-168
134	Hanflor 4%	Flofenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1kg; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp cho lợn do nhiễm Actinobaccillus, Pasteurella, Mycoplasma	TW-X2-169
135	Maxxin	Marbofloxacin	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, Mycoplasma, các bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TW-X2-170
136	Hetdau	Ketoprofene, Alcol benzylic	Ống Lọ	5ml 5; 10; 20; 100ml	Giảm đau cho trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, bê, chó	TW-X2-172
137	Hanstapen	Penicillin G procain, Dihydrostreptomycine	Lọ	20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu sinh dục viêm vú, viêm da, viêm khớp trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn	TW-X2-173
138	Enrotis-LA	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu sinh dục, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, bê, nghé, lợn	TW-X2-177
139	Penicillin G procain	Penicillin G procain	Lọ	3 triệu UI	Trị đóng dấu, viêm vú, viêm đường tiết niệu, viêm móng, viêm da, viêm khớp	TW-X2-179
140	HAN-Spicol	Spiramycin, Colistin	Túi, lon	20; 50; 100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW-X2-180

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
141	Hansone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	TW-X2-181
142	Hanegg -plus	Oxytetracyclin, Neomycin, Vit A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, folic acid, Ca D-pantothenate, Nicotinic, Dl-Methione, L-Lysine	Gói	100, 500g; 1kg	Phòng tiêu chảy, hen gà, bổ sung vitamin	TW-X2-182
143	Han-Tophan	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW-X2-186
144	Han-Tuxin	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm phổi phức hợp, viêm khớp, xoang trên trâu, bò, lợn	TW-X2-187
145	Colistin 10 Mix	Colistin sulfat	Túi, bao	1; 5; 10; 20; 50kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	TW-X2-188
146	Hanzuril-50	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn	TW-X2-189
147	Hanzuril-25	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	TW-X2-190

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
148	Han-broxin	Bromhexine	Gói	5; 20; 200; 500g	Trị bệnh phế quản phổi liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TW-X2-191
149	Han-Metoxin 50 WS	Sulfamonomethoxine	Bao, gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị sưng phù đầu, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm ruột hoại tử, tiêu chảy trên lợn, gia cầm	TW-X2-192
150	Azidine-118	Diminazen, Antipyrin	Chai	1,18g; 2,36g	Trị ký sinh trùng đường máu trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, chó	TW-X2-194
151	Hanmectin-fort	Ivermectin, Clorsulon	Chai	20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu	TW-X2-195
152	Hanmectin 1%	Ivermectin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW-X2-196
153	Han-Clamox	Amoxicillin trihydrate, acid Clavulanic	Chai	20,50,100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, tiết niệu, phù đầu do E.Coli, thương hàn, nhiễm khuẩn vết thương, mô mềm, áp xe có mủ	TW-X2-199
154	Hansulcox-WSP	Sulfadimidine sodium, Sulfaquinoxaline sodium, Vitamin A	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	TW-X2-200
155	Hanflor 20%-Oral	Florfenicol	Chai, can	100, 250, 500; 1; 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm, lợn	TW-X2-201

3. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (Huphavet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	ADE. Bcomplex	Vitamin, khoáng	Gói	200; 500; 1000g	Chống thiếu hụt vitamin, khoáng	UHN-1
2	Multivitamix	Vitamin A, B, D, E	Gói	20; 50; 100g	Phục hồi sức khỏe	UHN-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Trị viêm ruột	Sulfaguanidin, Tetracyclin	Gói	5; 10; 20g	Trị tiêu chảy	UHN-8
4	Bactrim-Coc	Sulfamethoxazon, Trimethoprim	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị cầu trùng	UHN-9
5	Phòng chống viêm phổi CRD	Tiamulin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị ho, hen, xuyễn	UHN-10
6	B.complex (bột)	Vitamin nhóm B	Gói	20; 50; 100g	Bổ sung vitamin nhóm B	UHN-11
7	Tẩy giun chó mèo	Menbendazol, Niclozamid	Gói	2g; 5g	Tẩy sán giây, giun tròn	UHN-18
8	DL-Méthionin	DL-Méthionin	Gói	100; 1000g	Bổ sung axid amin	UHN-20
9	L-Lyzin HCl	L-Lyzin HCl	Gói	100; 1000g	Bổ sung axid amin	UHN-21
10	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-22
11	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-23
12	Vitamin B_1 HCl	Vitamin B_1	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khỏe	UHN-25
13	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khỏe	UHN-26
14	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10; 20; 50g	Trị cầu trùng	UHN-28
15	Đường glucose	Đường glucose	Gói	500; 1000g	Giải độc, chống stress	UHN-29
16	Hupha-Ampicolis	Ampicillin, Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-59
17	Diệt sán giun	Biltricid, Levamisol	Gói	5; 10; 20; 50g	Tẩy sán lá ruột, giun tròn	UHN-63
18	Hupha-Fasiola	Biltricid	Gói	10; 20; 30; 50g	Tẩy sán lá gan	UHN-64
19	Biseptin	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do VK nhạy cảm với Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, gà	UHN-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Bycomycin	Oxytetracyclin, Tylosin	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Tylosin trên lợn, gà	UHN-35
21	H-U-G	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, phế quản, viêm ruột, nhiễm trùng huyết, viêm đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	UHN-36
22	Nhiễm khuẩn chó mèo	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm dạ dày, đường sinh dục, tiết niệu, viêm phổi, viêm da, màng não trên chó, mèo	UHN-58
23	Hupha-Neo-Colis	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	UHN-81
24	Hupha-Nor-C	Norfloxacin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin trên gia cầm	UHN-85
25	Hupha-Quine	Flumequine	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	UHN-87
26	Hupha-Flor	Florfenicol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	UHN-89
27	Hupha-Paradol-B	Paracetamol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ sốt, giảm đau trong các chứng bệnh viêm nhiễm trên gia súc, gia cầm	UHN-98
28	Hupha-Bromhexin-B	Bromhexin (HCl)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-99

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29	Hupha-CRD	Spiramycin (Adipate), Oxytetracyclin (HCl)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-100
30	HUPHA-Eflox 20	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	UHN-90
31	Hupha-Strep	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng	UHN-12
32	Hupha-Peni G	Penicillin G	Lọ	1.000.000 UI	Trị lợn đóng dấu, nhiệt thán	UHN-13
33	Vitamin C 5%	Vitamin C	Ống; lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-3
34	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1	Ống, lọ	5ml; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-4
35	Cafein Nabenzoat 20%	Cafein natri-benzoat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ tim	UHN-15
36	Strychnin 0,1%	Strychnin sulfat	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Trợ lực	UHN-16
37	Nước cất	H_2O	Ống, lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Dùng cho pha tiêm	UHN-17
38	Huphaflocin 10%	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị ỉa phân trắng lợn con	UHN-34
39	L-5000	Tylosin, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị xoắn trùng	UHN-37
40	G-5000	Lincomycin, S. dimedin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-38
41	T-5000	Tylosin, Sulfamethoxazol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, phù đầu phù mặt	UHN-39
42	H-5000	Norfloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-40
43	Hupha-Tia 10%	Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi (CRD)	UHN-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
44	Hupha-Linco 10%	Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm tử cung	UHN-42
45	Hupha-Enro 1%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-43
46	Hupha-Flume 10%	Flumequin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị salmonella; E.coli	UHN-44
47	Hupha-Analgin 30%	Natri methamisol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Hạ sốt, giảm đau	UHN-45
48	Hupha-Levamisol 7,5%	Levamisol	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	UHN-46
49	Hupha-Colistin 3%	Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị E.coli dung huyết	UHN-47
50	Hupha-KC	Kanamycin; Colistin	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-48
51	Hupha-Lincospec	Lincomycin, Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị phó thương hàn lợn con	UHN-49
52	Hupha-Gentatylan	Gentamycin, tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, viêm phổi	UHN-50
53	Huhpa-Cefalexin	Cefalexin base	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm tử cung, tiêu chảy	UHN-51
54	Hupha-Ampicolistin	Ampicilin, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-53
55	Hupha-Spec-T	Spectomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tiêu chảy	UHN-54
56	Hupha-Gentamycin	Gentamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi	UHN-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
57	Hupha-Bcomplex	Vitamin B_1; B_2; B_5; B_6; PP	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-56
58	Hupha-ADE.Bcomplex	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Ống, lọ	5ml 5; 10; 20; 50; 100ml	Phục hồi sức khỏe	UHN-60
59	Hupha-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị ghẻ, tẩy các loại giun tròn	UHN-61
60	Hupha-Tozal F	Oxyclozanid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-62
61	Hupha-Fasiola	Droncit praziquantel	Lọ	10; 20; 50; 60; 90; 100ml	Tẩy sán lá gan	UHN-65
62	E-5.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-68
63	E-10.000-T	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa	UHN-69
64	Hupha - Enrofloxacin	Enrofloxacin 1%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-70
65	Hupha - Flume- U	Flumequin 10%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-71
66	Hupha - Colistin	Colistin 3%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy	UHN-72
67	E-5.000-U	Enrofloxacin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-73
68	E-10.000-U	Enrofloxacin 10%	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 5; 10l	Trị viêm phổi, tiêu chảy gia súc, gia cầm	UHN-74
69	Hupha-Spec-U	Spectomycin 5%	Lọ	10, 20, 50, 100 (ml)	Trị tiêu chảy ở lợn, bê nghé	UHN-75
70	Hupha - Sulfamethox 30%	Sulfamethhoxypyri-dazine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfamethoxypyridazine	UHN-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
71	Hupha-Oxyject 10%	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin	UHN-77
72	Hupha-Tylanject 200	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, thỏ, lợn, chó, mèo	UHN-78
73	Hupha-Fer Dextran-B_{12}	Fer Dextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng chống chứng thiếu máu, bệnh tiêu chảy trên gia súc non	UHN-79
74	Hupha - Marbocyl	Marbofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Marboflo-xacine trên bê, lợn	UHN-84
75	Hupha - Flor 30	Florfenicol	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm đường hô hấp, tiêu chảy do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên trâu, bò, lợn	UHN-86
76	Huphacox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	20; 50; 100; 250; 500ml; 1; 5 lít	Phòng trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	UHN-88
77	Hupha-Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, điều trị các bệnh khớp, co thắt ruột, chướng bụng trên gia súc, gia cầm	UHN-91
78	Hupha-Flodox	Florphenicol, Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh tiêu chảy, thương hàn, viêm đường hô hấp trên gia súc	UHN-92
79	Hupha-Gluco-C	Glucose, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Cung cấp năng lượng, trợ sức, giải độc, lợi tiểu trên gia súc, gia cầm	UHN-93
80	Hupha-Oxyvet L.A	Oxytetracyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin, gây nên các bệnh hô hấp, tiêu chảy trên gia súc	UHN-94

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
81	Hupha-Paradol-U	Paracetamol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt, các chứng sốt trên gia súc, gia cầm	UHN-95
82	Hupha-Dexa	Dexamethason (phosphate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Kháng viêm, kết hợp với kháng sinh trong bệnh nhiễm khuẩn, hô hấp, viêm khớp	UHN-96
83	Hupha-Bromhexin-T	Bromhexin (HCl)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-97
84	Hupha-Novil	Spiramycin (Adipate)	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp, viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-101
85	Hupha-AM-GEN	Amoxycillin trihydrate, Gentamicin sulphate	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm cơ quan sinh sản, tiết niệu, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-116
86	Hupha-Tyfor	Florfenicol; Tylosin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm phổi cấp, viêm ruột, thương hàn, tụ huyết trùng, đóng dấu, viêm vú, sưng phù đầu trên gia súc, gia cầm	UHN-117
87	Hupha-AM-TIN	Amoxycillin; Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa, niệu sinh dục, viêm vú, nhiễm trùng vết thương trên gia súc	UHN-118
88	Hupha-Tia-Colis	Tiamulin, Colistin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi, viêm khớp, bệnh xoắn khuẩn trên gia súc	UHN-119
89	Hupha-E-Prol	Progesterone acetate, Vitamin E	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Điều chỉnh chu kỳ động dục, loạn sản, dưỡng thai, điều hòa quá trình sinh sản trên gia súc	UHN-120

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
90	Hupha-Butamin	Butaphosphan, Folic acide, Cyanocobalamin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng trị rối loạn chuyển hóa, trao đổi chất, dinh dưỡng, còi cọc ở gia súc non, chống stress, tăng sức đề kháng trên gia súc	UHN-121
91	Hupha-Oxytocin	Oxytocin	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Thúc đẻ, trị sa tử cung, mất sữa sau đẻ trên gia súc	UHN-122
92	Hupha-E-Sel	Vitamin E, Sodium selenite	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng, trị bệnh thiếu Vitamin E cho gia súc, chống ngộ độc sắt tiêm quá liều trên lợn con	UHN-123
93	Hupha-Can-Kamin	Calcium gluconate, Acid mefenamic, Vitamin K, C	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Phòng trị sốt sữa không biến chứng, suy nhược lúc sắp sinh	UHN-124
94	Hupha-Sultrim 24	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục trên gia súc	UHN-125

4. Công ty TNHH dược thú y Thăng Long

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Genta-Tylosin	Gentamycin; Tylosin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50, 100g	Chữa bệnh hô hấp, tiêu chảy	TL-01
2	Multi Vitamin B	Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Gói, hộp	20; 50; 100; 1000g	Thuốc bổ	TL-03
3	Tăng sản trứng - sữa	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, PP; Tetracyclin	Gói	10; 100; 500g	Thuốc bổ	TL-06
4	Khẹc vịt và ỉa chảy	Ampicillin; Tylosin	Gói	10; 20g	Chữa bệnh nhiễm trùng	TL-07

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	Anticocid-Diarrhoea	Sulfachlorin; Colistin	Gói	5; 10; 20; 50g	Chữa bệnh cầu trùng	TL-08
6	Antigas	NaCl; $NaHCO_3$; $MgSO_4$	Gói	10; 20g	Chữa chướng hơi, đầy bụng	TL-09
7	Điện giải Vita-B-C	Vit C, B_1; NaCl; $NaHCO_3$	Gói	20; 50; 100g	Trợ sức, trợ lực	TL-11
8	TĐ - Levamisol	Levamisol HCl	Gói	2; 100; 500g	Tẩy các loại giun tròn ký sinh ở đường ruột, đường hô hấp	TL-12
9	TĐ - Colistin	Colistin sulfat salt	Gói	2; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, do vi khuẩn Mycoplasma gây ra	TL-13
10	Enro-colivit	Enrofloxacin (HCl), Vit B_1	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, gia cầm	TL-14
11	Neodesol	Neomycin sulfat (salt); Oxytetracycline	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, heo, gia cầm	TL-15
12	Hen-CRD-Stop	Tylosin tartrat salt Theophyllin, as anhydrous	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, CRD, CCRD, viêm ruột cho trâu, bò, heo, gia cầm	TL-16
13	TĐ-Doxylin-Vet-25	Doxycyclin hyclate salt	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TL-17
14	TĐ-Dia-Cin-25	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết, tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	TL-18
15	TĐ-Amoxi vita-20	Amoxycilin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng da và cơ trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TL-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	TĐ. Flumequin	Flumequin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị Colibacillosis, Pasteurellosis, Salmonellosis trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TL-31
17	TĐ. Florcin	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TL-32
18	TĐ. Paracetamol	Paracetamol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiệu chứng sốt do nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính	TL-34
19	TĐ-Doxy Tylan	Doxycyclin Hyclate, Tylosin Tartrate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	TL-38
20	TĐ-Amoxy Extra	Amoxycillin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilln trên bê, cừu, lợn, gia cầm	TL-39
21	TĐ-Ampidecoli	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia cầm	TL-40
22	Đặc trị phân xanh, phân trắng	Colistrin sulfate, Neomycin sulfate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, phó thương hàn trên bê, nghé, cừu non, dê non, lợn con, gia cầm, thỏ	TL-41
23	TĐ-Damiton	Sulfamonomethoxine, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp, cầu trùng, viêm tử cung, nhiễm trùng huyết, viêm vú, tiết niệu, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	TL-42

5. Công ty TNHH thuốc thú y (Phavetco)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B Complex	B_1, B_2, B_6	Gói	50g	Tăng trọng, bồi dưỡng	HCN-3
2	Tẩy giun sán lợn	Menbedazol	Gói	2; 5; 100; 250g	Tẩy giun sán lợn	HCN-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	B complex	B_1, B_2, B_6	Gói	100g	Tăng trọng, bổ sung vitamin	HCN-12
4	Ampi-streptotryl	Ampicillin, Sulfamid	Gói	7 - 10g	Chữa viêm phổi, ỉa chảy	HCN-13
5	Menbendazol 10%	Menbenvet 10%	Gói	2g	Tẩy giun	HCN-16
6	Sultrep	Streptomycin, Sulfamid	Gói	7g	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-19
7	Genta-Prim	Trimethoprim, Gentamycin	Gói	10g	Chữa bệnh đường hô hấp, viêm phổi	HCN-22
8	Trị các bệnh tiêu chảy	Tylosin, Chlotetracyclin	Gói	10g	Trị ỉa chảy	HCN-25
9	Vitamin B_1 viên	Vitamin B_1	Lọ	1500 viên	Bổ sung vitamin	HCN-27
10	Trị E.coli đường ruột	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị E.coli đường ruột, phù đầu	HCN-35
11	Coccitop PV	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị cầu trùng ở gà, thỏ	HCN-36
12	CRD-MYCO	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị hen suyễn, khẹc vịt, CRD ở gà	HCN-37
13	Tyfazol	Sulfamid	Gói	10; 20g	Trị các bệnh như hen suyễn, CRD	HCN-38
14	Penicillin G	Penicillin G	Lọ	0,62g	Chữa bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra như đóng dấu, nhiệt thán	HCN-1
15	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Chữa tụ huyết trùng, CRD	HCN-2
16	Kanamycin sulphat	Kanamycin	Lọ	1g	Trị viêm phổi và các bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra	HCN-7

6. Công ty TNHH thú y Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Đặc trị CRD	Tylosin tartrate, Theophylin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	VNC-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	Kháng sinh đặc trị bệnh vịt, gà, ngan	Chlortetracyclin, Theophylin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VNC-2
3	Đặc trị cầu trùng I Anticoccid	Sulfaquinoxalin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên gia súc, gia cầm, thỏ, chó, mèo	VNC-3
4	Cocstop Vivetco	Sulfachlorpyridazine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phế quản, viêm phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, thỏ, lợn, gia cầm	VNC-4
5	Đặc trị tiêu chảy Antidiare	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, viêm đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, thỏ	VNC-5
6	Tiêu chảy lợn	Sulfaguanidin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, kiết lỵ, viêm ruột, THT, thương hàn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn	VNC-6
7	Mebenzol	Mebendazol	Gói	0,5; 1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Tẩy giun tròn, sán dây trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	VNC-8
8	Trimexazol	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, bệnh đường hô hấp, niệu - dục, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VNC-10
9	Trị sưng phù đầu	Oxytetracyclin, VitA, D_3, E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh hen, sưng phù đầu	VNC-9
10	Ampicolivet	Ampicillin, Colistin sulfat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, phó thương hàn	VNC-11
11	Úm gia cầm	Flumequin, Vitamin A, D, E	Gói	5g, 10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1000g	Úm gia cầm, vịt, gà, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút	VNC-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Gói	30; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Cung cấp vitamin, bồi bổ cơ thể	VNC-13
13	Nimisol	Levamisol, Niclosamide	Gói	2g; 2,5g; 5; 10g; 20g; 100g	Tẩy giun sán	VNC-14
14	Điện giải Vitamin	$NaHCO_3$, KCl, NaCl, Natri Citrat và Vitamin	Gói	13.95g, 50g 100; 500; 1000; 5000g	Bổ sung chất điện giải, tăng cường giải độc, bồi bổ cơ thể	VNC-15

7. Công ty cổ phần thuốc thú y TW5 (Fivevet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five- Sultrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi trên gia súc, gia cầm	TW5-1
2	Five-Gentatylo	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, chó, gia cầm	TW5-2
3	Five- Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-5
4	Five-Anticoc	Sulphachlozin sodium salt, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	TW5-6
5	Five Anticoccid	Sulphaquinoxalin Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng và viêm nhiễm đường ruột do vi khuẩn gây ra trên gia súc, gia cầm	TW5-7
6	Five-Anti CRD	Spiramycin adipat Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Trimethoprim	TW5-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	Five-E.C.S.09	Erythromycin, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, viêm đa khớp, sưng phù đầu trên gia cầm	TW5-9
8	Five-Enritis	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh dạ dày - ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm	TW5-11
9	Five- Amroli	Oxytetracyclin, neomycin	Gói	10, 20, 50, 100g	Viêm ruột, ỉa chảy, viêm phổi, bạch lỵ, PTH	TW5-12
10	Five - Cảm cúm	Paracetamol	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm cho gia súc	TW5-13
11	Five - Antidia	Colistin sulfate Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg	Trị bệnh dạ dày - ruột do các vi khuẩn nhạy cảm Colistin và Neomycin trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm và thỏ	TW5-14
12	Five-AC.15	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TW5-15
13	Five- Trimco	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh dạ dày - ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm	TW5-16
14	Five-T.C.17	Colistin, Tylosin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị ỉa chảy, THT, kích thích tăng trưởng gà con	TW5-17
15	Five -Antigum	Flumequin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị rối loạn tiêu hóa, viêm ruột, ỉa chảy	TW5-18
16	Five-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	10, 20, 50, 100g	Kích thích tiêu hóa, giải độc	TW5-19
17	Five-Vitamin C	Vitamin C	Gói	10, 20, 50, 100g	Giải độc, chống nóng	TW5-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Five-Ampi-coli	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	TW5-21
19	Five-Dotylin	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy, viêm ruột, xuất huyết, hoại tử trên gia súc, gia cầm	TW5-22
20	Five-E.C.23	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gà, vịt, ngan, ngỗng, cút	TW5-23
21	Five-Colistin	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, viêm dạ dày trên bê, nghé, dê, cừu, lợn thỏ, gia cầm	TW5-24
22	Five-DHT	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường ruột và đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	TW5-25
23	Five-Tylosul	Sulfadiazil, Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1kg	Thuốc có tác dụng chống lại các loại vi khuẩn Gram(+), Gram(-), Mycoplasma	TW5-33
24	Five- Amnicol	Thiamphenicol	Bình	210ml	Trị nhiễm khuẩn vết thương	TW5-34
25	Five-Gluco	Glucose	Gói	500g; 1kg	Chống nóng, giải độc	TW5-43
26	Five Enflox	Enrofloxacin	Gói - hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Điều trị CRD, CCRD, THT, viêm phổi, viêm ruột, cúm	TW5-50
27	Five- Amsoli	Tylosin, Sulfadimidine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng viêm ruột, viêm phổi trên lợn	TW5-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
28	Five- Tiare	Oxytetracycline; Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do VK nhạy cảm với Oxytetracycline và Tylosine trên lợn, gia cầm	TW5-53
29	Five-Sotylin	Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh suyễn, viêm ruột ở lợn; CRD cho gia cầm	TW5-58
30	Five Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin	TW5-64
31	Five-Neolin	Oxytetracyclin Neomycin (sulfate)	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Oxy-tetracyclin và Neomycin	TW5-65
32	Five-Ampicon	Ampicylin, Colistin	Gói	10, 20, 50, 100g	CRD, viêm phổi, E.Coli, PTH, viêm tử cung	TW5-69
33	Five-Amoxcin	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn con, gia cầm	TW5-70
34	Five-Anti CCRD	Spiramycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spiramycin trên gia cầm, chim bồ câu	TW5-75
35	Five-Flumequin	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia súc, gia cầm	TW5-76
36	Five-Fluquin 50	Flumequine	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	TW5-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
37	Five-Anticocid. A	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng do Eimeria; tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	TW5-80
38	Hado.Antidia	Colistin sulfat, Neomycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn con, gia cầm, thỏ	TW5-81
39	Hado.SHA	Doxycyclin Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin, Tylosin trên bê, nghé, dê, gia cầm, cừu, lợn	TW5-82
40	Hado.Oxy	Oxytetracyclin hydroclorid	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm	TW5-84
41	Hado.Docy	Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-85
42	Hado.Gen2000	Gentamycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-88
43	Hado.Moxsuper	Amoxicillin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin trên lợn, gia cầm	TW5-89

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
44	Hado.Covit	Neomycin Oxytetracyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Neomycin, Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu non, lợn, gia cầm, thỏ	TW5-90
45	Hado.Coccid	S.quinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	TW5-92
46	Hado. Tiêu chảy heo	Colistin sulfat Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn, gia cầm và thỏ	TW5-95
47	Hado.Enro.20	Enrofloxacin	Gói	5, 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, đường tiết niệu ở bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm và lợn	TW5-96
48	Hado. Gentatylo	Gentamycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột non gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin	TW5-98
49	Five Ampi Kana	Ampicilline sodium, Kanamycin sulfat	Lọ	500.000 UI; 0,5g 1.000.000 UI; 1g 10.000.000 UI; 10g	Trị viêm phổi, viêm ruột, E.Coli, viêm khớp, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-54
50	Five-Penicilin	Penicilline kali	Lọ	1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng dấu son, viêm phổi, lepto, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-59
51	Five-Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1g; 5g; 50g	Trị THT, viêm phổi, sinh dục, tiết niệu, viêm ruột, phân trắng lợn con	TW5-60

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
52	Five-Penicillin	Penicillin G postassium	Lọ	1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng dấu son, viêm phổi, lepto, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-63
53	Five-Azidin	Diminazen diaceterat	Lọ	1,18g	Trị ký sinh trùng máu	TW5-100
54	Five-Costrim	Colistin sulfate, Trime	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị E.coli, PTH, tiêu chảy lợn, dê, cừu non	TW5-4
55	Five-Otilin	Tiamulin, Dexa Oxytetracylin	Ống, lọ	10, 20, 50ml	Trị Leptospirosis, viêm phổi, hồng lỵ	TW5-10
56	Five-Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng, trị các bệnh do ký sinh trùng ở dạ dày, phổi, thận trên trâu bò, lợn	TW5- 26
57	Five-Trile	Enrofloxacin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi các vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin	TW5- 28
58	Five-Kanamycin	Kanamycin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1l	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi, viêm khí quản, viêm khớp trên trâu, bò, heo, dê, cừu	TW5-31
59	Five- Gentoxcin	Gentamicin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, heo, dê, cừu	TW5-32
60	Five-Kacolis	Kanamycin, Colistin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò; nhiễm khuẩn đường niệu dục, viêm da trên chó, mèo	TW5-35
61	Five-Leva	Levamysol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tẩy các loại giun tròn	TW5-38
62	Five-P.T.L.C	Colistin sulfate, Trimethoprim	Lọ	10; 20; 100; 500ml	Trị bệnh đường tiêu hóa trên lợn con, dê, cừu	TW5-39
63	Five-Tydo.C	Tylisin tartrate, Doxycyclin hyclate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
64	Five-Tio.D	Colistin sulfate, Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn	TW5-41
65	Five-Flo.30	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	TW5- 49
66	Five-TT.G500	Tylosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Tylosin	TW5-55
67	Five-S.P.C	Colistin, Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do E.coli, Salmonella trên dê non, cừu non, lợn	TW5-56
68	Five-Lincopectin	Lincomycin Spectinomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm nhiễm cho trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	TW5-57
69	Five-Anagin C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt	TW5-61
70	Five-Amcoli-D	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate, Dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm Ampicillin, Colistin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-62
71	Five-Cfor	Ceftiofur	Chai, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ceftiofur	TW5-66
72	Five-Genamox	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, nhiễm trùng đường ruột, viêm vú, nhiễm trùng đường tiết niệu - sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	TW5-68
73	Five-Fe B_{12}	Fe dextran. Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt trên lợn, trâu, bò	TW5-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
74	Five-Cox 2,5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên gà, gà tây	TW5-72
75	Five-Cox 5%	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị bệnh cầu trùng trên lợn	TW5-73
76	Five-Otylin	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-77
77	Five-Enrocin	Enrofloxacine	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-78
78	Hado.Lincocin	Lincomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm khớp do *Mycoplasma hyosynoviae* hoặc hy*orhinis,* liên cầu, tụ cầu, đóng dấu, viêm phổi địa phương do mycoplasma trên lợn. Nhiễm khuẩn ở da (viêm da do tụ cầu). Nhiễm khuẩn hô hấp, viêm bàng quang, viêm âm đạo, viêm tử cung và viêm bạch huyết trên chó, mèo	TW5-83
79	Hado.Enro10	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường niệu - đạo do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
80	Hado.Flusuper	Flumequin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, nhiễm khuẩn đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường tiết niệu - sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin trên lợn, gia cầm	TW5-87
81	Hado.Spec	Colistin sulfat Spectinomycin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Colistin, Spectinomycin trên dê non, cừu non, lợn con	TW5-91
82	Hado.Tylin	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, dê, cừu	TW5-93
83	Hado.DTS	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hô hấp, viêm ruột non hoại tử, bệnh lỵ, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm tai, viêm kết mạc	TW5-94
84	Hado.dexa	Dexamethason natri phosphat	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Kháng viêm, chống dị ứng, stress, sốc	TW5-97
85	Hado.Glucose	Glucose	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Cung cấp nước và năng lượng, giải độc, lợi tiểu, tăng sức đề kháng	TW5-99
86	Hado.Tylosin 150.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	TW5-102
87	Hado.Oxylin.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột, viêm khớp, hội chứng M.M.A, nhiễm khuẩn gây sảy thai, nhiễm khuẩn cơ hội do virus trên trâu, bò, cừu, dê, lợn	TW5-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
88	Hado-TLS.2000.LA	Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn mà vi khuẩn mẫn cảm với tylosin trên râu, bò, cừu, dê và lợn	TW5-104
89	Five-Tylan@.LA	Tylosin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy ở lợn	TW5-105
90	Five-Amox@.LA	Amoxicillin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, nhiễm khuẩn hô hấp gây ra bởi vi khuẩn Gram (+) và Pasteurella trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, chó và mèo	TW5-106
91	Five-Clofenac	Natri diclofenac	Ống Lọ	5, 10, 20, 100, 250, 500, 1.000ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW5-107
92	Five-Butasal	Butaphosphan Vitamin B_{12}	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị rối loạn hấp thu và chuyển hóa trên gia súc, gia cầm	TW5-110
93	Five-Vitamin B_1	Thiamin hydroclorid	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, suy nhược	TW5-112
94	Five-Cafein	Cafein	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị suy nhược cơ thể, trợ tim, kích thích thần kinh, chữa co thắt mạch máu, giảm nhu động ruột	TW5-113
95	Five-Vitamin K	Vitamin K	Ống Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh gây xuất huyết, viêm ruột, viêm gan, cầu trùng ghép, E.coli bại huyết, chấn thương, coli dung huyết	TW5-114
96	Five-Vitamin C	Vitamin C	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Chống stress, tăng cường sức đề kháng, trị các bệnh thiếu Vitamin C	TW5-115

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
97	Hado. Enflocin	Enrofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu ở bê, nghé, trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-116
98	Hado.Flocol.LA	Florfenicol	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Florfenicol	TW5-117
99	Hado.Maxflocin. LA	Marbofloxacin	Ống Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Marbofloxacin ở bê, nghé, lợn	TW5-118
100	Five-Gluco.k.c.namic	Tolfenamic acid	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Hạ sốt, giảm đau, tiêu viêm, phối hợp với kháng sinh điều trị M.M.A	TW5-119
101	Hado.Thiam.oral	Thiamphenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TW5-120
102	Hado.Cox1	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gà	TW5-121
103	Hado.Cox2	Toltrazuril	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên lợn con, dê non, cừu non	TW5-122
104	Hado.Cetifor	Ceftiofur	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW5-123
105	Hado.Ivermectin	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng	TW5-124
106	Five-Nitroxynil	Nitroxynil	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị sán lá gan, giun trên trâu, bò, cừu, gà, chó	TW5-125
107	Hado-Bromhexin Oral	Bromhecxin HCl	Túi, bao	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Làm tan dịch nhày trong các bệnh nhiễm khuẩn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-126

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
108	Hado-Bromhexin Injec	Bromhecxin HCl	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Làm tan dịch nhày trong các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp ở bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo và gia cầm	TW5-127
109	Hado- Enpacin	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm ruột, tụ huyết trùng, Leptospirosis trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	TW5-128
110	Five-Flonicol	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-129
111	Five-Paflo	Florfenicol	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-130
112	Hado-Roxacil Oral	Enrofloxacin	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-131
113	Hado-Cầu trùng ruột non	Sulfaquinoxalin; Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng đường ruột: ruột non và manh tràng ở gia cầm	TW5-132
114	Five-Enfoclofenac	Enrofloxacin, Diclofenac	Ống; lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-133
115	Hado-vitamin K	Vitamin K	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Cầm máu do phẫu thuật, xuất huyết do thương hàn, viêm ruột, cầu trùng, ký sinh và trong phẫu thuật trên bê nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm	TW5-134
116	Five-NP.10	Neomycin sulfat, Nystatin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	TW5-135
117	Hado - sưng phù đầu	Sulphadimethoxine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn, gà, thỏ	TW5-136

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
118	Hado-Coryza	Sulfamonomethoxin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn Gram (±), cầu trùng mẫn cảm với Sulfamonomethoxin trên lợn, gia cầm	TW5-137
119	Five-Doflo@LA	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TW5-138
120	Hado - hen gia cầm	Ampicillin, Erythromycine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Erythromycine gây ra trên gia cầm	TW5-139
121	Five-Tilmosin	Tilmicosin (phosphate)	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi trên lợn	TW5-140
122	Five-Tilmo Super	Tilmicosin (phosphate)	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà	TW5-141
123	Five-Long đờm	Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Làm long đờm trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-142
124	Five-P.T.L.C Oral	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm khuẩn niệu đạo trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-143
125	Hado-Flo.PC	Florfenicol	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TW5-144
126	Hado-Tilcosin	Timicosin photphat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường phổi, nhiễm khuẩn kế phát tai xanh, hội chứng suy thoái, gầy còm, bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, bệnh tụ liên cầu khuẩn trên lợn	TW5-145

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
127	Five-Amolin	Amoxicillin trihydrat, Colistin sunlphate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, niệu sinh dục, viêm cục bộ, nhiễm khuẩn kế phát trên bê, nghé, lợn, cừu non, gia cầm	TW5-146
128	Hado-Tydoxy	Doxycyclin hyclat Tylosin tatrat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TW5-147
129	Hado-Trisul	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, niệu sinh dục, nhiễm khuẩn da trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-148
130	Five - Bogama	Sorbitol, Methionine, Choline, Betaine, Lyzine	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Tăng khả năng hấp thu Vitamin, kích thích tiết dịch mật, đào thải chất độc, tăng trao đổi chất cho gia súc, gia cầm	TW5-149
131	Hado- Mebitol	Methioline, Choline, Inositol, Sorbitol, Vitamin B_6, PP	Chai, lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1 lít	Điều chỉnh mất cân bằng dinh dưỡng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-150
132	Hado-TMS@.LA	Tilmicosin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột, viêm móng trên trâu, bò, dê, cừu	TW5-151
133	Five-Enrobrom	Enrofloxacin, Bromhexine HCl	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp, nhiễm trùng dạ dày - ruột, tiết niệu, da trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TW5-152
134	Hado-Quin	Flumequine	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gram(-) và Gram(+) gây ra trên bê, nghé, ngựa con, dê non, cừu non, gia cầm, thỏ	TW5-153

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
135	Hado-Amox.LA	Amoxycillin trihydrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu - sinh dục, viêm vú, nhiễm khuẩn kế phát trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	TW5-154
136	Five-Oxymykoin	Oxytetracycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	TW5-155
137	Hado-Ennew	Enrofloxacin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-156
138	Hado-Ca.Gluconat K.C	Vitamin C, Calcium glucoheptonat, Sodium hypophosphite	Ống, chai	5; 10; 20; 100; 250; 500ml	Trị bệnh do thiếu vitamin C, can xi, phốt pho trên gia súc	TW5-157
139	Hado-Doxyclin oral	Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TW5-158
140	Hado-Flocol 200 Oral	Florfenicol	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	TW5-159
141	Hado - Nấm phổi	Neomycin sulfat, Nystatin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nấm Cadida, nhiễm trùng máu, E.Coli, lỵ, tiêu chảy trên gia cầm	TW5-160

8. Công ty TNHH Thú y xanh Việt Nam (Greenvet Co., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gluco K,C	Glucoza, Vitamin K, Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g,1kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress	GRV-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Super Egg	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E, các vit thiết yếu khác	Gói	50g, 100g, 200g, 500g,1kg, 10kg	Cung cấp vitamin, nâng cao sức đề kháng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phôi và ấp nở	GRV-2
3	Tylanvet	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như - CRD, suyễn lợn	GRV-11
4	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Gói	1g	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-13
5	Levavet Powder	Mebendazol	Gói	2g	Trị giun tròn lợn, chó, gia cầm	GRV-19
6	AD_3EBcomplex	Vitamin	Gói	100; 150g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-20
7	B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Gói	100g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-21
8	Vitamin B_1 viên	Vitamin B_1	Lọ	1800 viên (0,1g/1v)	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-22
9	B Complex	Vitamin B_1, B_2, PP, B_6, B_{12}	Lọ	1800 viên	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-25
10	Coli-dox	Colistin sulphate Doxycyclin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg	Trị hen, hen ghép E.coli, thương hàn, trên gia cầm, lợn con phân trắng, viêm phổi	GRV-30
11	Coli-200	Colistin sulphate Trimethoprim	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	GRV-31
12	Coxymax	Sulphachlozin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, THT	GRV-36
13	Linco-spec inj	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin và Tylosin	GRV-37
14	CRD.Com	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gà, vịt, ngan, cút	GRV-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	MG-200	Tylosin tartrate, Doxycyclin HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử, phó thương hàn trên bê, nghé, lợn con, dê con, cừu con, thỏ, gia cầm	GRV-40
16	Flormax	Florfenicol	Túi, gói	100g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	GRV-41
17	Tylandox	Doxycycline, Tylosin	Túi, bao	10; 50; 100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, lợn, cừu, gia cầm	GRV-42
18	Coxy-Q	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị E.coli và cầu trùng trên gà	GRV-43
19	Neo-colistin	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Túi, xô	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với neomycin và colistin trên bê, nghé, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	GRV-45
20	Penicillin	Penicillin potassium	Lọ	1.000.000 UI	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-12
21	Pen-Strep	Penicillin, Streptomycin	Lọ	500000 UI + 1g	Trị bệnh nhiễm khuẩn gia súc	GRV-17
22	Amoxycol - WS	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli*, viêm ruột hoại tử, tụ huyết trùng, thương hàn, coryza, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-46
23	Trimazol - 480WS	Sulphadiazin, Trimethoprim	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị *E.coli, Sallmonella,* tụ huyết trùng, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-47
24	Neox - chick	Oxytetracycline, Neomycin sulphate, Vitamin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn, tăng sức đề kháng	GRV-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
25	Neo-dox plus	Doxycycline hyclate, Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, E.coli, thương hàn, suyễn, nhiễm khuẩn trên gia súc, gia cầm	GRV-50
26	Coli - S 1200WP	Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị các vi khuẩn gây bệnh nhạy cảm với Colistin trên gia súc, gia cầm	GRV-51
27	Gentadox	Gentamicin sulphate, Doxycycline hyclate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-52
28	Doxycol	Doxycycline hyclate, Colistin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, *Heamophilus* trên gia súc, gia cầm	GRV-53
29	LS - Forte	Spectomycin, Lincomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, *E.coli*, tụ huyết trùng, thương hàn, suyễn, ileitis trên gia súc, gia cầm	GRV-54
30	Neomix	Neomycin sulphate	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với neomycin trên gia súc, gia cầm	GRV-55
31	OTC 220 Premix	Oxytetracycline	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm đường ruột, viêm teo mũi, bệnh nghệ do *Leptospira* trên heo. Trị viêm ruột do vi khuẩn trên cừu, dê con. Viêm đường ruột do vi khuẩn và viêm phổi trên bê, nghé	GRV-56
32	Doxymix 12,5%	Doxycycline (hyclate)	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phổi trên heo	GRV-57
33	Super Doxy 50%	Doxycycline hyclate	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	GRV-58
34	Flor-400	Florfenicol	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 10; 20; 25kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp trên lợn	GRV-59

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
35	Ery-1000	Erythromycin thiocyanate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-60
36	Sulfamono-1000	Sulfamonomethoxine natri	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm	GRV-61
37	Tylosin-1000	Tylosin tartrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	GRV-62
38	G-MOX 50%	Amoxycyline trihydrate	Túi, bao, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng kế phát, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	GRV-63

9. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phát triển chăn nuôi

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	T&D Toi gà vịt ngan	Ampicilin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin gây ra trên gia cầm	TD-02
2	T&D Flumcolis 3000	Flumequin sodium	Túi, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm	TD-04
3	T&D Vetmac	Doxycyclin, Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), Richketsia	TD-5
4	T&D Tetracyclin	Tetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-7
5	T&D Vitamin B_1	Vitamin B_1	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-8
6	T&D Tylosin	Tylosin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	T&D Vitamin C	Vitamin C	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-10
8	T&D Glucoza	Glucoza	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp năng lượng	TD-11
9	T&D Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy các loại giun phổi, dạ dày - ruột	TD-12
10	Đặc trị cầu trùng - Tiêu chảy	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim,	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200, 500g; 1kg; 10kg	Phòng, trị cầu trùng, ỉa chảy, thương hàn, viêm ruột, hồng lỵ ở gia súc, gia cầm	TD-13
11	T&D Doxycyclin 10%	Doxycyclin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200g; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TD-15
12	T&D Oxytetracyclin 20%	Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin	TD-17
13	T&D Mebendazol 10%	Mebendazol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy giun cho gia súc, gia cầm	TD-19
14	T&D Gum gà	Oxytetracyclin, Vitamin C	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh kế phát sau Gum, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tăng sức đề kháng trên gia cầm	TD-20
15	Amoximox	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-21
16	TD- Neocolivet	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-22
17	Doxygent- T	Gentamycin sulfate, Doxycyclin HCl	Gói, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên trâu, bò, cừu, lợn, gia cầm	TD-23
18	Dinamicin	Trimethoprim, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19	Alpha-Flox	Thiamphenicol	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị bệnh viêm phổi, CRD, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm khuẩn tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	TD-25
20	Alpha-Vita.Colivit	Oxytetracyclin HCl, Neomycin Sulphat	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Oxytetracycline gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TD-26
21	Alpha-Coryvet	Sulphamonomethoxin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm ruột hoại tử, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	TD-27
22	Alpha-Doxytylo	Doxycyclin, Tylosin tartrate	Túi, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp CRD, CCRD, sưng phù đầu, tụ huyết trùng, nhiễm trùng dạ dày - ruột trên gia súc, gia cầm	TD-28
23	Alpha-Hết sốt	Paracetamol	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg	Hạ sốt, giảm đau trong các chứng bệnh viêm nhiễm trên gia súc, gia cầm	TD-29
24	Alpha-Ticovet	Tilmicosin phosphate	Túi, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, heo, gia cầm	TD-30

10. Công ty TNHH Thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	N-Eryampi	Erythromycin thiocyanate, Ampicillin trihydrat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh hô hấp như CRD, THT, viêm hoạt dịch, ngạt mũi, sổ mũi	MB-02
2	N-Oxycol	Tetracyclin HCl, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp mãn tính, bệnh nhiễm trùng do E.coli	MB-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	N-Sulmedia	Diaveridin sodium, Sulphadimidin sodium	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1; 5kg	Trị các bệnh gây ra do cầu trùng tại ruột già, ruột non ở gia súc, gia cầm	MB-06
4	N-Aspersid	Nystatin, Tetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị bệnh nấm phổi do Aspergilluss Fumigatus gây ra với những triệu chứng ở đường hô hấp	MB-07
5	N-Coccisid	Sulfachlorpyrazin, Sulphadimidin sodium	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1; 5kg	Thuốc trị cầu trùng, E.coli, THT, bạch lỵ	MB-08
6	N-Doxysin	Doxycyclin HCl, Tylosin, Theophyllin	Gói	3; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh CRD, viêm phế quản phổi, THT, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	MB-09
7	N-Anticoli	Tiamulin HF, Vitamin A Chlortetracyclin HCl	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Thuốc trị các bệnh do E.coli, bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, THT, viêm khớp	MB-10
8	Ampicoli - oral	Ampicillin trihydrat, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa và hô hấp	MB-11
9	N- Mequine	Flumequine sodium salt	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm khớp, viêm da	MB-24
10	N- Doxycoli	Doxycyclin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm	MB-01
11	N-Levasol	Levamisol	Gói	2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MB-33
12	N-Vitamix	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C, K_3, PP, B_5, Acid folic	Gói	3; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh do thiếu vitamin gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	MB-37
13	N-Colidin	Colistin sulfate, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò	MB-42
14	N-Coli 500	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra	MB-43

11. Công ty Cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 98%	Tylosin tartrat	Lọ, ống, gói	500mg; 1; 10g	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD	VA-01
2	Viaenro	Enrofloxacin	Gói, hộp	10, 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm ruột, ỉa chảy	VA-02
3	Colivet-S	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, thương hàn, phân trắng, phân xanh, THT	VA-04
4	Viamoxyl 15.S	Amoxycilline	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-24
5	Via.SBA 30%	Sulfaclozine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bệnh tả trên gà	VA-33
6	Via- Salcol	Flumequine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên bê	VA-34
7	Thuốc tẩy giun Via-Levasol	Levamisol	Túi	2; 4; 5; 10; 100g	Tẩy giun tròn, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun phổi, cho gà, bê, nghé, chó, mèo	VA-35
8	Viadonald	Ampicilline (trihydrat) Erythromycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Ampicillin và Erythromycin trên gia cầm	VA-21
9	Viacox	Sulfaquinoxaline Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng và thương hàn gia cầm	VA-37
10	Viadiarh	Sulfaguanidine Sodium salicylate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfaguanidine	VA-38
11	Viamasti	Gentamycin sulfat Cloxacilline sodium	Syringe	9,0 gam	Trị nhiễm trùng vú do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Cloxacilline trên bò sữa	VA-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	Viametri	Amoxycilline trihydrat	Syringe	17,8 gam	Trị nhiễm trùng tử cung do các vi khuẩn nhạy cảm Amoxycilline gây ra trên bò cái, lợn nái	VA-42
13	Anti.Moca	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP, C, K_3, Calci pantothenat, methionin, Lysin, Choline, Sắt, Mangan, Đồng, Cobalt	Gói	50; 100g	Cân bằng dinh dưỡng, chống stress trên gia cầm	VA-43
14	Viatox-Spray	Deltamethrine	Chai, bình	50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh ký sinh trùng do ruồi, ve, ghẻ, rận	VA-44
15	VIA.TTS	Trimethoprim Sulfadiazine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, ngựa, lợn, gia cầm	VA-48
16	VIA.Doxytylo	Tylosin, Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-50
17	VIA.Gentadox	Gentamycin Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-51
18	Vita B-Complex + K_3 + C WSP	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Calci d-pantothenate, Nicotinic acid, Acid folic	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh thiếu Vitamin, stress	VA-55
19	Super.Egg	Oxytetracyclin HCL, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, PP, Calci pantothenate, L- Lysine DL- Methionine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên gia cầm	VA-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Viaeryco-10	Erythromycine, Colistin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, thương hàn trên gia cầm	VA-57
21	Via. Bromxin	Bromhenxin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp ngựa non, bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm, chó, mèo	VA-60
22	Via.Ampi-Coli	Ampicillin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị thương hàn, bạch lỵ, tụ huyết trùng, đóng dấu trên bê, nghé, dê non, lợn con, gia cầm	VA-61
23	Úm gia cầm.Via	Ampicillin, Erythromycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gia cầm	VA-62
24	Via.Tilane	Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hồng lỵ, suyễn trên lợn	VA-64
25	Coli-500	Colistin sulphate, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim	VA-65
26	Via. Costrim	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline, Sulfadimidine	VA-68
27	Via.doxy-200	Doxycycline base	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-70
28	Via.gentacos	Gentamycin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở bê	VA-71
29	AZ-Moxy 50S	Amoxycilin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin	VA-73
30	Tylosin	Tylosin tartrate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm phổi, hồng lỵ, THT do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên bò, lợn, gia cầm	VA-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
31	AZ-Doxy 50S	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm mũi, viêm phổi, đường ruột, viêm vú, tử cung, bệnh lỵ trên bê, cừu, lợn, gia cầm	VA-75
32	Via. Pneutec	Oxytetracycline; Tylosin		10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline; Tylosin trên lợn và gia cầm	VA-76
33	Az Flomax	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên gia cầm	VA-79
34	Ampi-Coli extra	Ampicilline, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline, Colistin trên gia cầm	VA-80
35	Antigumboro	Potassium citrate; Sodium citrate; Vitamin B_1; B_2; C; Menadione; Nicotinamide; Troxerutine; Phenylbutazone	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng các triệu chứng bệnh Gumboro. Tăng cường chức năng gan thận ở gia cầm. Chống viêm, hạ sốt trong các bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm virus có sốt	VA-82
36	AZ. Genta-Tylosin	Gentamycine, Tylosine, Vitamin A	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, viêm mũi, sổ mũi trên gia súc, gia cầm	VA-85
37	AZ. NEO - NYS	Neomycine sulffate Nystatin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	VA-86
38	AZ PARA C	Paracetamol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt	VA-88
39	Viaenro - 5 inj	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,...	VA-06

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
40	Via Quino-10	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, các bệnh ỉa chảy,...	VA-07
41	Tylosin 5% inj	Tylosin tartrat	Lọ	10; 50; 100ml	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD,...	VA-08
42	Chlotetrason 10% inj	Chlotetracyclin	Lọ	5,10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	VA-09
43	Oxytetracyclin 10%	Oxytetracyclin HCl	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh viêm phổi, viêm ruột, dạ dày,...	VA-10
44	Via.Vitamin B_1	Vitamin B_1	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin B_1	VA-11
45	Viamectin-25	Ivemectin	Lọ	10; 20; 100ml	Tẩy các loại giun, trị các loại ký sinh trùng	VA-12
46	Tiamulin HF 10%	Tiamulin HF	Lọ	10; 20; 100ml	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp như viêm phổi, suyễn, viêm màng phổi	VA-13
47	Vitamin C 5%	Vitamin C	Lọ	50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin C	VA-14
48	B Complex	Vitamin nhóm B	Lọ	20; 50; 100ml	Phòng và trị các bệnh do thiếu Vitamin	VA-15
49	Spolymycin	Colistin sulfate	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, vịt khẹc, thương hàn, phân trắng	VA-16
50	Nor.E.Coli	Norfloxacin HCl	Lọ	20; 10; 100ml	Phòng và trị viêm ruột, ỉa chảy, THT, đóng dấu, viêm phổi, CRD, CCRD	VA-18
51	Viamoxyl	Amoxycilline	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline	VA-19
52	Viaprimazin	Trimethoprime, Sulfadiazine	Lọ	10; 20; 100ml	Trị nhiễm trùng do các vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime và Sulfadiazine	VA-20
53	Rovamycin	Spiramycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị các bệnh do Mycoplasma và các vi khuẩn Gr(+), Gr(-) gây ra	VA-23
54	Glucose 30%	Glucose	Chai	10; 20; 50; 100ml	Cung cấp năng lượng, tăng sức đề kháng	VA-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
55	Via.Antibio	Ampicilline trihydrate, Colistin (sulfat), Dexa	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh đường ruột, viêm phổi, đường tiết niệu cho trâu, bò, lợn, cừu, ngựa	VA-26
56	Viaflox 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò	VA-27
57	Viaquyl 60S	Flumequine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-29
58	Viaflox 50	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho trâu, bò, lợn, chó	VA-30
59	Viaquino 100	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho gia cầm	VA-31
60	Viaquino 25	Enrofloxacine	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine cho bê, nghé	VA-32
61	Vialimox	Amoxycilline (trihydrate), Colistin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Colistin cho lợn, bê, nghé	VA-36
62	Viatylan 20%	Tylosine	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-39
63	Viacolin	Kanamycine sulfat, Colistin sulfat	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycine và Colistin lợn, chó, mèo	VA-40
64	VIA.Khớp	Phenylbutazone	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm khớp, viêm màng hoạt dịch, viêm vú, tử cung	VA-45
65	VIA.Suyễn	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản trên trâu, bò, lợn	VA-46
66	VIA.Doxyl LA	Doxycyclin	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, phế quản, hen suyễn trên trâu, bò, lợn	VA-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
67	Đặc trị E.coli sưng phù đầu - VIA	Flumequine	Chai	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh sưng phù đầu trên lợn do E.coli	VA-49
68	Via. Gentamox	Amoxycilline, Gentamycin	Chai	20; 50; 100; 250ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline và Gentamycin	VA-52
69	Via.Gine+C	Analgine, Vitamin C	Chai	10; 20; 50; 100ml	Chữa cảm nắng, sốt cao, thấp khớp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	VA-54
70	Via.flor LA	Florfenicol	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm trùng hô hấp trên trâu, bò, heo	VA-58
71	Viaenro-25	Enrofloxacin	Chai	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên bê, nghé	VA-59
72	Via.Coccid	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng, nhiễm trùng đường tiêu hóa trên gia cầm, thỏ	VA-63
73	Chloterason	Doxycycline HCl	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-9
74	Via.cox Toltral	Toltrazuril	Lọ	10, 20, 50, 100, 500ml; 1 lít	Trị cầu trùng ở gà	VA-66
75	Đặc trị E.coli sưng phù đầu	Flumequine	Chai	10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	VA-67
76	Viatril	Enrofloxacine base	Chai	10, 20, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine	VA-69
77	Via. Fer dextran B_{12}	Fer dextran, B_{12}	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thiếu máu do thiếu sắt ở bê và lợn con	VA-72
78	Via. Flosol oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp do VK nhạy cảm với Florfenicol trên lợn, gia cầm	VA-77

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
79	Azquinotec	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp, sinh dục do VK nhạy cảm với Enroflo-xacin trên gia cầm	VA-78
80	Az Flotec 23% oral	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên lợn	VA-81
81	AZ Dipafenac	Diclofenac sodium	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Hạ sốt, giảm đau trong đau bụng, bệnh đường ruột, viêm vú, viêm khớp cấp tính, mãn tính và an thần trên bò, cừu, dê, ngựa, lạc đà, chó, mèo	VA-83
82	AZ Gluco KC Bamin	Vitamin C, Calcium gluconogluco heptonate Sodium Hypophosphite	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Bổ sung Vitamin C, Calci, Phospho cho hoạt động của hệ thần kinh, cơ bắp và tim mạch. Tăng cường chuyển hóa trên bò, cừu, dê, lợn, ngựa, chó, mèo	VA-84
83	AZ - Meloxicam	Meloxicam	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1l	Chống viêm giảm đau trong các bệnh về cơ, xương cấp tính và mãn tính. Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm vú, nhiễm trùng huyết trên bò, ngựa, lợn	VA-87
84	Ivermec 1%	Ivermectine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tẩy giun tròn, giun phổi, giun dạ dày, giun đường tiêu hóa và các loại ấu trùng. Diệt ve, ghẻ, bọ chét, chấy rận ở bò, cừu, lợn	VA-89
85	VIA.Bromhexin	Bromhexine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	VA-90
86	VIA.hepatol + B_{12}	Sorbitol, Methionine, Vitamin B_{12}, Vitamin B_6, Vitamin B_2	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Tăng tiết mật, giải độc và tăng cường chức năng gan cho thú khi mắc các bệnh nhiễm trùng, sử dụng kháng sinh nhiều ngày, ngộ độc thức ăn	VA-91

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
87	Az.amoxy-col 20%	Amoxycillin trihydrat, Colistin sulfat	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường sinh dục trên bê, cừu, lợn, gia cầm	VA-93
88	Az.doxtyl 300 extra	Tylosine tartrate, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do các chủng nhạy cảm với Tylosine, Doxycycline trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-94
89	Az.quino 20% gold	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, trâu, bò, bê, cừu, dê	VA-95
90	Az.gentidox	Gentamycin sulfat, Doxycycline hyclate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Doxycycline trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VA-96
91	Az.tylo 200	Tylosine tartrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính trên gia cầm, viêm màng hoạt dịch và viêm xoang trên trâu, bò, lợn	VA-97
92	Az.levasol 20%	Levamisole HCl	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và điều trị các loại giun ở các loài gia súc, cừu, dê, lợn, gia cầm	VA-98
93	Az.cocidial usa	Sulfaclozine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, dịch tả trên gia cầm	VA-99
94	Aztosal	Butaphosphan, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml; 1 lít	Trị rối loạn chuyển hóa do sau khi điều trị bệnh, dinh dưỡng kém, dưỡng chất không đầy đủ	VA-101
95	AZ.Dimethon	Sulfadimethoxine sodium	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, cầu trùng trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	VA-102
96	AZ.Trithoxin	Sulfadimethoxine sodium,Trimethoprim	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprim gây ra trên gia cầm, thỏ	VA-103

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
97	AZ.Monothoxin	Sulfadimethoxine sodium	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị ký sinh trùng đường máu, cầu trùng trên gia cầm, thỏ	VA-104
98	AZ.Timicosin 30%	Tilmicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-105
99	AZ.Timicosin Oral	Tilmicosin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	VA-106

12. Công ty cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi-Colis	Ampicillin, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị THT, thương hàn, CRD, phân xanh, phân trắng do Ecoli trên gia cầm. THT, viêm phổi, ỉa chảy cấp trên trâu bò, lợn con phân trắng	NGH-01
2	Vitamin B complex	Vit.B_1, B_2, B_6, PP	Túi	100; 500; 1000g	Bổ sung các vitamin nhóm B, kích thích sinh trưởng, tăng trọng lớn nhanh	NGH-08
3	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Túi	100; 500; 1000g	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, tăng sức đề kháng cho cơ thể	NGH-09
4	Vitamin C	Vitamin C	Túi	100; 500; 1000g	Phòng chống bệnh chảy máu, bền vững thành mạch, chống xuất huyết ngoài da	NGH-10
5	Tetracyclin HCl	Tetracyclin HCl	Túi	100; 500; 1000g	Phòng, trị viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng máu, viêm ruột, tụ huyết trùng	NGH-11
6	Điện giải-Vitamin	Vit B_1, B_2, PP, B_6, NaCl, KCl, $NaHCO_3$	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy	NGH-28
7	Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
8	Levamisol 7%	Levamisol	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-30
9	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Túi	5; 10; 20; 50; 100g	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh xuất huyết, viêm ruột, cầu trùng	NGH-32
10	NGH - Acotrim	Trimethoprim, Sulfamethoxazol, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do M.gallisepticum, M.synoviae, E.coli, phân xanh, phân trắng, THT cho trâu, bò, dê, lợn	NGH-34
11	Điện giải-Vitamin	Vit B_1, B_2, PP, B_6, NaCl, KCl, $NaHCO_3$	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy,…	NGH-28
12	NGH-Neotesol	Neomycin sulfat, Tetracyclin, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Neomycin	NGH-37
13	Meta- Kazol	Flumequin, Vitamin K_3, DL-Methionin, L-Lysin	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho trâu, bò, dê, lợn, và gia cầm	NGH-38
14	Zinmix - A15	Vitamin A, D_3, B_1, E, PP, Dl- Methionin, Lysin, Sắt Oxalat, Kalicloride, $CaCO_3$, Kẽm sulfate, $MnSO_4$, $CuSO_4$	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g; 500g; 1kg	Cung cấp vitamin và khoáng cần thiết cho lợn, trâu, bò, gia cầm và thú cảnh, tăng sức đề kháng, phòng chống Stress	NGH-39
15	Doxy-Tylo	Doxycyclin hydrocloride, Tylosin tartrate, Lactose	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị tiêu chảy, viêm phổi, THT ở bê, nghé, dê, cừu, lợn, CRD, C-CRD, THT ở gia cầm	NGH-41

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Trị tiêu chảy	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Neomycin gây ra	NGH-42
17	Ofluquin	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho trâu, bò, cừu, dê, lợn, gia cầm	NGH-05
18	Ecoli-ST4	Trimethoprim Sulfa methoxazol	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị THT, PTH, Thương hàn, lợn con phân trắng, nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli	NGH-02
19	Trị hen vịt - tụ huyết trùng	Tetracyclin hydrocloride, Tylosin tartarat	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hồng lỵ, lợn con phân trắng, phân xanh, viêm phổi, THT, CRD, CCRD cho bê, nghé, cừu, lợn	NGH-07
20	Trị cầu trùng	Sulphachlopyridazin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, bệnh đường niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, THT trên gia cầm	NGH-49
21	CRD-Genotic	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NGH-54
22	Oxytetrasul	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, hồng lỵ, viêm phổi, viêm phế quản, THT, cầu trùng trên lợn, thỏ, gia cầm	NGH-58
23	Kháng sinh ngan vịt	Norfloxacin; A.ascorbic	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.Coli, Salmonella, thương hàn, THT, phân trắng, vàng, xanh, hen suyễn, viêm đường hô hấp, CRD, viêm xoang	NGH-60
24	Úm gia cầm	Oxytetracyclin, Vit D_3, K_3, B_2	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị THT, thương hàn, tiêu chảy cho gà, vịt. Tăng sức đề kháng, chống còi cọc	NGH-61
25	NGH-Anticoccid	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu non, dê non, lợn, thỏ, gia cầm	NGH-64
26	Enro-2000	Enrofloxacin	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu non, gia cầm	NGH-65

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
27	Coli-1002	Trimethoprim Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gà, vịt, thỏ	NGH-74
28	Flor-400	Florfenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, Ecoli, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm khuẩn hô hấp, viêm phổi do liên cầu, phế cầu, tụ huyết trùng trên lợn, gà, vịt	NGH-75
29	Bromhexin-100	Bromhexine HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NGH-78
30	Thiamphenicol-10%	Thiamphenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị thương hàn lợn, tiêu chảy, liên cầu khuẩn, tụ huyết trùng, trực khuẩn lỵ, đóng dấu trên bê, nghé, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt, thỏ	NGH-79
31	Amoxil-100	Amoxicillin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng cấp, viêm phổi, viêm phế quản, viêm da, mô mềm, tụ huyết trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH-82
32	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, thỏ, gia cầm	NGH-90
33	AD_3E Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, PP, B_6, B_5	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Kích thích phát triển, phòng chống stress. còi cọc, chậm lớn, bại liệt	NGH-15
34	Vit B complex	Thiamin chloride, Pyridoxin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Tăng cường bổ sung Vitamin nhóm B	NGH-16
35	Ampicolis	Ampicillin tryhydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm phế quản, THT, viêm ruột gây ỉa chảy thương hàn, Ecoli	NGH-18
36	Tylo-50	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường hô hấp, suyễn, CRD, viêm phổi, viêm ruột ỉa chảy, đóng dấu, THT, sưng phù đầu, phân xanh, phân trắng ở gia súc, gia cầm	NGH-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
37	Coliseptyl	Sulfadimidine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, cầu trùng, dung huyết, sưng phù đầu, viêm phổi	NGH-20
38	Ampisep	Ampicilline, Sulfadimidin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị chứng phù đầu, đóng dấu, tụ huyết trùng viêm ruột, ỉa chảy	NGH-21
39	NGH-Gentatylo	Gentamycine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, viêm đường hô hấp, hồng ly, đóng dấu E.coli, ỉa chảy	NGH-24
40	Vibramycin-Forte	Doxyxyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, CRD, hen, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm đường tiết niệu, đường sinh dục, thương hàn, ỉa chảy,...	NGH-25
41	Enro-flox	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, viêm tử cung, THT ở gia súc, gia cầm, phân xanh, phân vàng	NGH-26
42	Tylocol	Tylosin tatrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hen gà, khẹc vịt, cúm gà, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi, lợn con phân trắng	NGH-27
43	Enro-10	Enrofloxacin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh lợn con phân trắng, E.coli, sưng phù đầu	NGH-33
44	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Lọ, ống	5; 10ml	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin tartrate gây ra	NGH-35
45	Namax	Natri hydrocacbonate, Natricitrate, $MgCl_2$, Natri sulfate, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị chướng bụng, đầy hơi, rối loạn tiêu hóa do thức ăn không tiêu. Kích thích tiêu hóa. Có tác dụng kiềm hóa nước tiểu hoặc kháng axít	NGH-36
46	Analgin - 30%	Anagin (Natrimetamizol)	Lọ	5; 10; 20; 50ml; 100ml	Hạ nhiệt, giảm đau, chống sốt cao trong các bệnh nhiễm trùng, bệnh viêm phổi	NGH-40
47	Vitamine B1 2,5%	Thiamin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị các bệnh do thiếu Vit B_1 gây ra, kích thích tiêu hóa, tăng tính thèm ăn	NGH-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
48	Glucose 5%	Glucose khan	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc và lợi tiểu trong các bệnh nhiễm độc cyanua, carbone dioxyde	NGH-44
49	Kanamycin-10%	Kanamycin sulfate	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin	NGH-45
50	Lincomycin-10%	Lincomycin hydroclorid	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin	NGH-46
51	Nor-Coli	Norfloxacin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50ml	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin gây ra cho trâu, bò, lợn, chó	NGH-22
52	Colimycin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-47
53	Coliracin	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NGH-48
54	B_{12}-Ferridextran	Ferridextran, Vitamin B_{12}	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt gây ra trên trâu, bò, lợn, ngựa, dê, cừu, chó, mèo	NGH-50
55	Ivermectin-25	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-51
56	Ivermectin-50	Ivermectin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nội, ngoại KST trên trâu, bò, dê, lợn	NGH-52
57	Oxytemycin	Oxytetracycline	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm tiết niệu, viêm tử cung, viêm vú, viêm móng, tử cung, viêm ruột ỉa chảy trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NGH-53
58	Enroflox-10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột trên bê, nghé, gia cầm	NGH-55
59	Flumequin-LA	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, viêm tử cung, nhiễm trùng máu, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
60	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Cầm máu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-57
61	Marbofloxacin	Marbofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột ỉa chảy, đường niệu, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH-59
62	Vitamin C 5%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu Vit C, phòng chống stress. Nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-62
63	Analgin-C	Analgin, Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, hạ sốt, phòng chống stress trên trâu, bò, heo, gà, vịt	NGH-63
64	Thiamphenicol 20%	Thiamphenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	NGH-66
65	Gentamox-LA	Amoxicillin trihydrate, Gentamycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm tử cung, viêm ruột do vi khuẩn, viêm vú trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn	NGH-67
66	Tylan-2000 LA	Tylosin tartrate	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NGH-68
67	Flophenicol 30%	Florfenicol	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NGH-69
68	Spectin-5%	Spectinomycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-70
69	Bromhexin	Bromhexine HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Giảm tiết dịch nhày, giảm ho, long đờm trên trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH-71

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
70	Gluconat-K-C	Vitamin C, K_3, Cancigluconate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Phòng chống bệnh thiếu Vitamin C, thiếu canxi, hỗ trợ điều trị xuất huyết đường tiêu hóa, phủ tạng trên trâu, bò, heo, gia cầm	NGH-72
71	Dramycin	Tulathromycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó	NGH-73
72	Dexamethason	Dexamethason natriphosphat	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm khớp, thoái hóa xương khớp, viêm thanh quản, dị ứng, bệnh viêm loét da và niêm mạc trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-76
73	Vitamin C-10%	Vitamin C	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và chống bệnh thiếu vitamin C, chống Stress, nâng cao sức đề kháng trên trâu, bò, gà, vịt	NGH-77
74	B_{12} Ferridex - 20%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-80
75	B_{12} Ferridex - 10%	Ferridextran Vitamin B_{12}	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh thiếu máu do thiếu sắt ở gia súc sơ sinh, tăng tái tạo hồng cầu, chống còi xương suy dinh dưỡng	NGH-81
76	Toltrazuril	Toltrazuril	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị cầu trùng trên dê non, cừu non, lợn con, ga cầm	NGH-83
77	Amoxilin-LA	Amoxycillin trihydrate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, viêm móng, viêm vú, viêm tử cung trên bê, nghé, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NGH-84
78	Amox-LA	Amoxycillin, trihydrate Clavulanic acid	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản, hen, suyễn tụ huyết trùng, áp xe, viêm vú, viêm tử cung ỉa chảy trên bê, nghé, dê, cừu, ngựa, chó, mèo, gia cầm	NGH-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
79	S.F.M.N. Methoxine	Sulfamonomethoxin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, lỵ, thương hàn, cầu trùng, viêm phổi, nhiễm trùng da, mô mềm trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-91
80	Amo-Colifort	Amoxicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột, nhiễm trùng tiết niệu trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-92
81	Doxy-500	Doxycyclin HCl	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-93
82	Flor-10% Oral	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, dạ dày - ruột trên lợn, gia cầm	NGH-94
83	Ampicolis-Forte	Ampicilline trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà	NGH-95
84	Enro-20% Oral	Enrofloxacin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, viêm ruột, tiêu chảy, thương hàn trên bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm	NGH-96
85	Doxy-flor	Florfenicol, Doxycyclin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NGH-97
86	Apramycin-45%	Apramycin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, nhiễm trùng đường tiêu hóa, lỵ trên gia súc, gia cầm	NGH-98
87	Ceptimax-LA	Ceptiofur	Chai	10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh viêm phổi, tiết niệu, tiêu hóa, nhiễm trùng thối móng hoại tử trên trâu, bò, lợn	NGH-99
88	GV Doxyflo	Florfenicol, Doxycyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-100

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
89	GV Oxyteflo	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-101
90	Tilmicos-250 Oral	Tilmicosin Phosphate	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NGH-102
91	Tilmicos-200®	Tilmicosin Phosphate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NGH-103
92	GV Amox-Gen	Amoxicillin, Gentamycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, áp xe, viêm móng trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NGH-104
93	Hen gà - Suyễn lợn - Trị ỉa chảy	Tetracycline HCl, Tylosin tartrate	Túi, bao	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	NGH-105
94	Typhoid-5	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm vú, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên gia súc	NGH-106
95	Typhoid-10	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm vú, viêm dạ dày - ruột, viêm phổi trên gia súc	NGH-107
96	Diclofenac	Diclofenac	Thùng, chai, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml; 1l	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt trên ngựa, gia súc	NGH-108
97	O.D.flor	Oxytetracyclin; Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy, kết lỵ, viêm phổi, viêm phế quản, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, đóng dấu trên gia súc; hô hấp mãn tính (CRD), tụ huyết trùng trên gia cầm	NGH-109
98	Gluco-kc-namin GV	Gluconate canci, Vitamin K, C, Tolfenamic acid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Hồi sức, tăng cường sức đề kháng. Chống xuất huyết các phủ tạng trong cơ thể, hạ sốt, kháng viêm hỗ trợ điều trị bệnh truyền nhiễm	NGH-110

13. Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B-Complex	Vitamin: B_1, B_2, B_6	Gói	100; 200; 500; 1000g	Bổ sung vitamin nhóm B, điều trị bệnh thiếu vitamin	NC-01
2	Anticoccid-NC	Sunfamethoxin, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị bệnh cầu trùng	NC-03
3	Điện giải-Trứng-NC	Natriclorid, Natricitrat, Kaliclorid, Calcium gluconate	Gói	20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức lực cho gia súc, gia cầm, chống nóng, giải độc, cân bằng và cung cấp chất điện giải	NC-08
4	Leva-NC	Levamisol HCl	Gói	2; 5; 7; 10; 15; 20; 50; 100g	Tẩy các loại giun tròn, giun phổi, giun móc, giun đũa ở lợn, gà, vịt, bê	NC-09
5	Nấm-NC	Nystatin, Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị các bệnh nấm, nấm phổi, nấm đường tiêu hóa ở gà, vịt, ngan, lợn	NC-11
6	Hen gà - Suyễn lợn	Erythromycin, Tetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-1
7	Antidiarrhee	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, phân xanh, phân trắng trên gia cầm, lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con	NC-2
8	Coli-Coc-Stop	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, phế quản truyền nhiễm, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm	NC-4
9	E-S-T vịt, ngan	Erythromycin, Colistin sulfate.	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột, ỉa chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-6
10	Colipig - Úm gia cầm	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	NC-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
11	Lợn tiêu chảy-NC	Oxytetracyclin HCl, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phó thương hàn, bạch lỵ, tụ huyết trùng, viêm phổi trên lợn, bê, nghé, cừu non, gia cầm	NC-10
12	NC-Doxycat	Doxycyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn	NC-21
13	Coli-Flugum-Stop	Flumequine	Gói.	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, tiết niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NC-26
14	Coli-Cocci-Stop	Trimethoprim, Sulfacholoropydazine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NC-27

14. Công ty TNHH thuốc thú y Năm Thái

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Anti-Gum	Paracethamol, Neomycin, Sulphaguanidine	Gói	10; 20; 50, 100g; 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị Gumboro, cúm và trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	NT-2
2	T.I.C	Neomycin sulfate, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm Neomycin và Sulfa-guanidin gây ra trên gia súc, chó, mèo, gia cầm	NT-3
3	T.Colivit	Oxytetracyclin HCl, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-4
4	T. Avimycin	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, niệu sinh dục trên lợn, gia cầm	NT-5

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
5	TĐG. Năm Thái Electralise	Các loại muối của Fe, Zn, Mg, Na,Cl, các Vit A, D, E	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Thuốc điện giải, chống nóng, giải độc, trợ lực	NT-8
6	Cầu trùng Năm Thái (T.EIMERIN)	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh cầu trùng và cầu trùng ghép Coli bại huyết trên gà	NT-9
7	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, rối loạn tiêu hóa và nhiễm khuẩn cho lợn, gia súc khác	NT-13
8	T. Cúm gia súc	Paracethamon	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị cảm, cúm, ngã nước	NT-14
9	T.Umgiaca	Neomycin sulphate, Lactose, Oxytetracycline HCl,	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bạch lỵ, thương hàn, tiêu chảy, CRD, THT, viêm khớp, viêm phổi, xoắn khuẩn	NT-15
10	CCRD-Năm Thái	Spiramycin, Colistin, Lactose	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g; 2; 5; 10, 20kg	Trị CRD, CCRD, khẹc vịt, bạch lỵ, thương hàn, tiêu chảy, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi	NT-19
11	Gentafam 2	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-24
12	T.Flox.C	Norfloxacin, Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, tiêu chảy trên gia cầm	NT-25
13	Pig-Mix 1	Lincomycin HCl, Sulfamethazin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên lợn	NT-28
14	Pig-Mix 2	Tiamulin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi truyền nhiễm, bệnh đường ruột trên lợn	NT-29

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Gentafam 1	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-32
16	Supercox	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh cầu trùng đường ruột và manh tràng trên gia cầm	NT-39
17	T.Coryzine	Sulfamonomethoxine sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-53
18	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn Mycoplasma gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-58
19	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với streptomycin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-59
20	Penicillin potassium	Penicillin potassium	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gram(+) mẫn cảm với Penicillin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-60
21	Ampicoli-Thái	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NT-61
22	Anti.CRD.L.A	Tylosin tatrate; Doxycycline hyclate	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột và đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-67
23	Fungicid	Nystatin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nấm phổi trên lợn, gia cầm	NT-68

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Leva.20	Levamisol	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị ký sinh trùng ở lợn và gia cầm	NT-69
25	Pen-Step	Penicillin, Streptomycin	Chai	20ml (Penicillin: 1 triệu UI; Streptomycin: 1g)	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Dihydro-streptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	NT-70
26	Vitamin C99%	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C và trị stress, giải độc, chống nóng	NT-86
27	Kanamycin	Kanamycin	Lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn	NT-6
28	Vidan T	Actimospectin, Lincomycin,	Ống, chai	5ml 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh hen, suyễn lợn, CRD, sưng phù đầu gà, nhiễm khuẩn ở gia súc, gia cầm	NT-12
29	T.Gastron. Thái	Ampicillin sulphate, Colistin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị nhiễm trùng huyết, viêm khớp, viêm phổi, viêm teo mũi lợn, THT, bạch lỵ	NT-16
30	T.Tere	Colistin sulphate, Spectinomycin HCl	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị phân trắng, phù thũng, thương hàn, viêm ruột, tụ huyết trùng	NT-17
31	Spyracin.Thái	Spiramycin	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, viêm vú, viêm tử cung, viêm khớp, viêm teo mũi trên trâu bò, bê, dê, cừu, lợn	NT-18
32	Flugen.Thái	Flumequin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm khớp, thương hàn, tụ huyết trùng,….	NT-20
33	T.Enro. Thái	Enrofloxacin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị Pasteurellosis, Mycoplasmosis, nhiễm trùng đường hô hấp, tiết niệu	NT-21

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
34	T.Enteron	Oxytetracyclin HCl, Tylosin tartrate, Bromhexin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-10
35	T.T.S Năm Thái	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm trùng đường sinh dục, đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-11
36	Enro-10	Enrofloxacin HCl	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, nhiễm trùng máu trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-22
37	Flumequin-20	Flumequine	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường ruột, hô hấp, viêm vú, viêm khớp, viêm da trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-23
38	T.Avibrasin	Doxycyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, THT trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-26
39	T.Metrion	Neomycin sulfate, Benzalkonium clorid	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị viêm tử cung, âm đạo, đường niệu trên lợn nái, trâu, bò cái	NT-27
40	Dysentery	Neomycin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị tiêu chảy, viêm ruột trên lợn con	NT-30
41	Norflox-10	Norfloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh đường hô hấp, niệu sinh dục, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-31
42	Tialin. Thái	Colistin, Tiamulin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1l	Trị hồng lỵ, viêm phổi truyền nhiễm, viêm đa khớp trên trâu, bò, lợn	NT-33
43	Amoxycillin	Amoxicillin trihydrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị viêm phế quản, thanh quản, nhiễm trùng huyết, viêm ruột, nhiễm trùng đường tiết niệu trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NT-34

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
44	T.C.K	Kanamycin, Colistin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	NT-35
45	Vitamin D_3	Vitamin D_3	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin D trên trâu, bò	NT-36
46	T.Oxyvet.LA	Oxytetracyclin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	NT-37
47	T.Ivermectin 1%	Ivermectin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nội, ngoại ký sinh trùng trên trâu, bò, dê, cừu, heo	NT-38
48	T.Amoxycol	Amoxicilline, Colistin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, niệu - sinh dục, nhiễm trùng huyết, MMA trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	NT-40
49	T.Amoxigen	Amoxicilline, Gentamicin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 200 500ml; 1l	Trị viêm phổi, viêm ruột, ỉa chảy, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu	NT-41
50	Flophenicol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-42
51	T.Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	NT-43
52	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ	1; 2; 3; 5; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trâu, bò, lợn	NT-44
53	T.Diatrizon	Sulphadiazin, Trimethoprim	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulphadiazin và Trimetho-prim trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-45

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
54	Linco-Gen L.A	Gentamycine, Lincomycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm phổi, viêm khớp, tiêu chảy, THT, đóng dấu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-46
55	Calci + Vit.B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}, Glucose	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu canxi, thiếu máu trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-47
56	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh do thiếu Vit B_1 trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-48
57	Vit.C 5%	Vitamin C	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	NT-49
58	Calci + C	Calci gluconate, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Phòng, trị bệnh thiếu canxi, vitamin C trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	NT-50
59	A.D_3.E. Thái	Vitamin A, D, E	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Trị bệnh thiếu Vitamin A, D, E trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-51
60	Analgin + Vit C	Analgin, Vitamin C	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1l	Giảm đau, hạ sốt trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo	NT-52
61	Flodo.vet	Florfenicol, Tylosin tartrate	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê, cừu, heo, chó, mèo, gà, vịt	NT-54
62	D.O.C Thái	Thiamphenicol, Oxytetracycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị viêm ruột, viêm tử cung, tiêu chảy, THT, viêm màng phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-55
63	Macavet	Florfenicol, Doxycycline	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viên tử cung, viêm đạo, viêm màng não	NT-56

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
64	Genta-Tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm dạ dày ruột, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-57
65	Thái-Cox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 50; 100; 500ml	Phòng và trị cầu trùng gà	NT-62
66	Dexa. Thái	Dexamethason acetate	Lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Kháng viêm trong các trường hợp viêm khớp, thấp khớp, viêm gan cấp tính và mãn tính ở trâu, bò, ngựa, lợn, chó, mèo	NT-63
67	Atropine 0,1%	Atropine sulfate	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Giảm trương lực cơ trơn, giải độc, giảm tiết dịch	NT-64
68	Vitamin K 1%	Vitamin K	Lọ, ống	2; 5; 10; 20ml	Trị rối loạn đông máu do thiếu hụt vitamin K	NT-66
69	Sul-depot	Sulfadimethoxin, Trimethoprim	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin và Trimethoprim gây ra trên gia cầm	NT-71
70	Calci-Mg	Calcium gluconat, Magnesium	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu calci, magie, phospho	NT-72
71	Antifaciolid (Đặc trị sán lá gan)	Nitroxinil	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100; 500ml	Trị sán lá gan trên trâu, bò, cừu, dê, gia cầm, chó	NT-73
72	T.M.T (Tiên mao trùng)	Diminazen aceturat, Antipyrin	Chai	20ml (Diminazen aceturat: 1,05g; Antipyrin: 1,31g)	Trị ký sinh trùng đường máu trên gia súc	NT-74

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
73	Dicofen-NT	Diclofenac Na	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị viêm khớp, viêm xương khớp, rối loạn cơ xương, hội chứng đau dây hông trên trâu, bò, ngựa, chó, mèo	NT-75
74	Butamin-NT	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống suy nhược do rối loạn chuyển hóa trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NT-76
75	Romazin	Acepromazine maleate	Ống, chai	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Chống co giật, giảm đau, an thần	NT-78
76	Anti-cox	Sulfaquinoxalin, Pyrimethamin	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml; 1; 2 lít	Phòng và điều trị bệnh cầu trùng ở gà, vịt, chim	NT-80
77	Digicofin-NT	Caffeine, Natri Salicylate, Ephedrine Hydrochloride, Digitoxin	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Suy tuần hoàn cấp tính, sự sống bị đe dọa, đau bụng, phẫu thuật, Bệnh tim mạch do nhiễm trùng, dự phòng sau khi gây mê nếu lượng thuốc gây mê vượt quá ngưỡng cho phép	NT-81
78	Furomid	Furosemid	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị các chứng gây phù do bất kỳ nguyên nhân nào, lợi tiểu, trị chứng báng nước	NT-83
79	Tulavet	Tulathromycin, Monothioglycerol	Ống, lọ	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, viêm kết mạc trên trâu bò, lợn	NT-85
80	Sutrim-NT	Sulfadimethoxin Ormetoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh do khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxin, ormetoprim gây ra trên gia cầm, gia súc	NT-87

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
81	Amoxicoli-TA	Amoxicillin trihydrat, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-88
82	Costop-TA	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	NT-89
83	TA-Flumex 30%	Flumequin sodium	Lọ, chai	Lọ 10, 20, 100, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-90
84	Gentatylo-TA	Gentamycin, Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị CRD, tụ huyết trùng, thương hàn, sưng phù đầu, suyễn, viêm phổi, tiêu chảy ở lợn và gia cầm	NT-91
85	TA-Gluco-K-C	Vitamin C, Vitamin K, Glucose	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress	NT-92
86	TA-NEO.40	Neomycin sulfate, Oxytetracycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin, Oxytetracycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-93
87	Quinodin-TA	Sulfaquinoxalin Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng, tiêu chảy, thương hàn, bạch lỵ, Coryza, sưng đầu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-94
88	Tydox-TA	Tylosin tartrat, Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên gia súc, gia cầm	NT-95
89	Vitamin C 20	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C, stress (do dùng vaccin, nhiễm bệnh, di chuyển, độ ẩm cao, nhiệt độ cao hoặc thay đổi nhiệt độ quá lớn) trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-96

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
90	Anti-Coxi-TH	Sulfaquinoxalin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị cầu trùng trên thỏ, gia cầm	NT-97
91	Fe+B_{12}	Sắt, Vitamin B_{12}	Ống, lọ	2ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Phòng và điều trị thiếu máu	NT-98
92	Giải độc gan	Sorbitol, Methionine Cholin chlorid	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị hội chứng gan nhiễm mỡ trên trâu, bò, ngựa, dê, thỏ, chó, lợn, gia cầm	NT-99
93	Levasol 7,5%	Levamisol	Lọ, chai	10, 20, 50, 100, 500ml, 1, 2,5, 10 lít	Trị nội ký sinh trùng: Nhiễm giun Strongylus ở dạ dày, ruột, phổi	NT-100
94	Lidocain 2%	Lidocain	Ống, lọ	2ml, 5, 10, 20, 50, 100, 500ml	Gây tê cục bộ để tiến hành phẫu thuật trên trâu bò, ngựa, chó, mèo	NT-101
95	Nicolosol	Niclosamid Levamisol	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị giun đũa, giun móc, sán dây trên chó	NT-102
96	Tẩy giun sán (Fluzon)	Flubendazol	Gói	10; 20; 50; 100; 500 g; 1, 2,5, 10kg	Trị giun tròn, giun đũa, giun tóc trên gia cầm	NT-103
97	Amoclanic-NT	Amoxicillin trihydrat Acid clavulanic	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm trùng da, mô, viêm xoang, viêm phế quản, nhiễm trùng đường tiết niệu, nhiễm trùng đường tiêu hóa	NT-104
98	Cadic-NT	Sulfaguanidin; Framycetin sulfat; Atropin	Hộp, lọ, vỉ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500 viên	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên chó	NT-105
99	TH.Quin.100	Flumequine	Chai, lọ	10, 20, 100, 500ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp, đường tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NT-106

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
100	TH.Flodex.10	Florfenicol	Chai, lọ	10, 20, 100, 500ml, 1, 2, 5 lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hệ hô hấp trên lợn, gia cầm	NT-107
101	TH.Colitrim	Colistin sulfat Trimethoprim	Gói	10, 20, 50, 100, 500gam, 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trime-thoprim gây ra trên bê, cừu non, thỏ, lợn, gia cầm	NT-108
102	Hepaton	Doxycycline HCl	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm phổi trên heo, gia cầm	NT-109
103	Coxi-coli	Sulfaquinoxalin Na	Chai, can	100ml; 500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít; 10 lít	Trị cầu trùng trên trâu, bò, gia cầm	NT-111
104	Botavit	Vitamin A, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, D-pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, Biotin, Choline chloride	Chai, can	100ml; 500ml; 1 lít; 2 lít; 5 lít; 10 lít	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin, khoáng, acid amin trên gia súc, gia cầm	NT-112

(Xem tiếp Công báo số 371 + 372)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng